|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU   
CỦA 10 LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH, TRẬT TỰ VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VĂN BẢN ĐƯỢC BỔ SUNG,  THAY THẾ** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| **1. LUẬT CẢNH VỆ** | | |
| **Điều 10.Đối tượng cảnh vệ**  2. Khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam bao gồm:  d) Khách mời khác theo đề nghị của Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trên nguyên tắc đối đẳng, có đi có lại, yêu cầu đối ngoại.  3. Khu vực trọng yếu bao gồm:  đ) Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Bảo tàng Hồ Chí Minh; Khu di tích Phủ Chủ tịch; Quảng trường Ba Đình; Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ tại đường Bắc Sơn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; | **Điều 10.Đối tượng cảnh vệ**  2. Khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam bao gồm:  d) Khách mời khác theo đề nghị của ***Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội*** ~~Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội~~, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trên nguyên tắc đối đẳng, có đi có lại, yêu cầu đối ngoại.  3. Khu vực trọng yếu bao gồm:  đ) Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Bảo tàng Hồ Chí Minh; Khu di tích Phủ Chủ tịch; Quảng trường Ba Đình; Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ tại đường Bắc Sơn, ***phường*** ~~quận~~ Ba Đình, thành phố Hà Nội; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 12. Chế độ cảnh vệ đối với khách quốc tế khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam**  3. Đối với khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc khách mời khác theo đề nghị của Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam thì căn cứ vào yêu cầu đối ngoại và thông lệ quốc tế, đề nghị của phía khách mời và tình hình thực tế để áp dụng một hoặc các chế độ cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này. | **Điều 12. Chế độ cảnh vệ đối với khách quốc tế khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam**  3. Đối với khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc khách mời khác theo đề nghị của ***Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội*** ~~Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội~~, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam thì căn cứ vào yêu cầu đối ngoại và thông lệ quốc tế, đề nghị của phía khách mời và tình hình thực tế để áp dụng một hoặc các chế độ cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 12a. Biện pháp cảnh vệ đối với khách quốc tế khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam**  3. Đối với khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc khách mời khác theo đề nghị của Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam thì căn cứ vào yêu cầu đối ngoại và thông lệ quốc tế, đề nghị của phía khách mời và tình hình thực tế để áp dụng một hoặc các biện pháp cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này. | **Điều 12a. Biện pháp cảnh vệ đối với khách quốc tế khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam**  3. Đối với khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc khách mời khác theo đề nghị của ***Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hộ***i ~~Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội~~, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam thì căn cứ vào yêu cầu đối ngoại và thông lệ quốc tế, đề nghị của phía khách mời và tình hình thực tế để áp dụng một hoặc các biện pháp cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **2. LUẬT NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH, CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM** | | |
| **Điều 8. Ký hiệu thị thực**  6. LV2 - Cấp cho người vào làm việc với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. | **Điều 8. Ký hiệu thị thực**  6. LV2 - Cấp cho người vào làm việc với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, ***Liên đoàn*** ~~Phòng~~ Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.  ***22. UĐ1 cấp cho người nước ngoài thuộc diện ưu đãi theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số hoặc quy định khác do Quốc hội ban hành.***  ***23. UĐ2 cấp cho người nước ngoài là vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của người nước ngoài được cấp thị thực ký hiệu UĐ1.*** | 1. Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy.  2. Để phù hợp với quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số, Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:  - Khoản 2 Điều 19 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định *“nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là người nước ngoài được cấp thẻ tạm trú có thời hạn 05 năm và được gia hạn theo quy định pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi của nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là người nước ngoài được cấp thẻ tạm trú với thời hạn tương ứng với thời hạn cấp cho nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; được chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng tạo điều kiện, hỗ trợ về thủ tục khi tìm kiếm việc làm và tuyển sinh, học tập tại các cơ sở giáo dục tại Việt Nam”.*  - Khoản 1 Điều 20 Nghị quyết số 222/2025/QH15 quy định *“cấp thị thực, thẻ tạm trú thời hạn đến 10 năm cho người nước ngoài là nhà đầu tư quan trọng, chuyên gia, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc cho cơ quan, tổ chức có trụ sở trong Trung tâm tài chính quốc tế (ký hiệu thị thực, thẻ tạm trú là UĐ1) và thành viên gia đình đi cùng (ký hiệu thị thực, thẻ tạm trú là UĐ2)”*.  - Khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 226/2025/QH15 quy định *“Ký hiệu thị thực, ký hiệu thẻ tạm trú cấp cho người nước ngoài: a) UĐ1 - Cấp cho người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở chính trong Khu TMTD; b) UĐ2 - Cấp cho vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi của người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở chính trong Khu TMTD”;* điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị quyết này quy định *“miễn thị thực và cấp thẻ tạm trú 10 năm cho người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao (ký hiệu UĐ1) và các thành viên gia đình (ký hiệu UĐ2) làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở chính trong Khu TMTD”.* |
| **Điều 9. Thời hạn thị thực**  6. Thị thực ký hiệu LS, ĐT1, ĐT2 có thời hạn không quá 05 năm. | **Điều 9. Thời hạn thị thực**  6. Thị thực ký hiệu LS, ĐT1, ĐT2***,******UĐ1, UĐ2*** có thời hạn không quá 05 năm. | Để phù hợp với quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số, đồng thời, nhằm tạo điều kiện cho người nước ngoài và doanh nghiệp, phù hợp với thực tiễn. |
| **Điều 10. Điều kiện cấp thị thực**  4. Các trường hợp sau đây đề nghị cấp thị thực phải có giấy tờ chứng minh mục đích nhập cảnh: | **Điều 10. Điều kiện cấp thị thực**  4. Các trường hợp sau đây đề nghị cấp thị thực phải có giấy tờ chứng minh mục đích nhập cảnh:  ***đ) Người nước ngoài quy định tại khoản 22 Điều 8 của Luật này phải có giấy tờ chứng minh thuộc diện được ưu đãi.*** | Để thống nhất với việc bổ sung khoản 22 tại Điều 8 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 19 của Luật Công nghiệp công nghệ số: *“1. Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài đáp ứng tiêu chí theo quy định của Chính phủ”*. |
| **Điều 12. Các trường hợp được miễn thị thực** | **Điều 12. Các trường hợp được miễn thị thực**  ***6. Người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội được miễn thị thực có thời hạn theo quy định của Chính phủ.*** | Để phù hợp với quy định của Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, cụ thể, tại mục 9 Nghị quyết này quy định *“**miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Giao Chính phủ quy định cụ thể và chỉ đạo nghiên cứu để trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan, đáp ứng yêu cầu thực tiễn”.* |
| **Điều 14. Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài**  1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này, bao gồm:  đ) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; | **Điều 14. Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài**  1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này, bao gồm:  đ) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, ***Liên đoàn*** ~~Phòn~~g Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 16. Thủ tục mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh**  1. Người nước ngoài không thuộc diện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 của Luật này phải thông qua cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh làm thủ tục tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.  6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp thị thực cho người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài phải thanh toán với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh khoản cước phí để thực hiện việc thông báo cấp thị thực.  7. Cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người nước ngoài được lựa chọn gửi văn bản đề nghị cấp thị thực cho người nước ngoài và nhận kết quả trả lời qua giao dịch điện tử tại Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh nếu đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16b của Luật này. | **Điều 16. Thủ tục mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh**  1. Người nước ngoài không thuộc diện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 của Luật này phải thông qua cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh làm thủ tục tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh ***hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử nếu đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16b của Luật này***.  ~~6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp thị thực cho người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài phải thanh toán với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh khoản cước phí để thực hiện việc thông báo cấp thị thực.~~  ~~7. Cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người nước ngoài được lựa chọn gửi văn bản đề nghị cấp thị thực cho người nước ngoài và nhận kết quả trả lời qua giao dịch điện tử tại Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh nếu đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16b của Luật này.~~ | - Cần bổ sung tại khoản 1 Điều 16 và bãi bỏ khoản 7 Điều 16 Luật này để phù hợp với định hướng cơ quan, tổ chức, cá nhân sẽ sử dụng tài khoản định danh để đăng nhập trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh quy định tại khoản 4 Điều 40 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định: “Tài khoản được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh cấp cho cơ quan, tổ chức được sử dụng đến hết ngày 30/6/2025”.  - Cần bãi bỏ khoản 6 Điều 16 (Thủ tục mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh) để phù hợp thực tiễn hiện nay, khi đã triển khai việc gửi thông báo cấp thị thực qua thư điện tử đến cơ quan có thẩm quyền cấp thị của Việt Nam ở nước ngoài. |
| **Điều 16b. Thủ tục cấp thị thực điện tử theo đề nghị của cơ quan, tổ chức**  1. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này được đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài khi có đủ các điều kiện sau đây:  a) Có tài khoản điện tử do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp theo quy định tại khoản 2 Điều này;  b) Có chữ ký điện tử theo quy định của Luật giao dịch điện tử.  2. Việc đăng ký tài khoản điện tử thực hiện theo quy định sau đây:  a) Cơ quan, tổ chức gửi văn bản đề nghị cấp tài khoản điện tử đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Việc đề nghị cấp tài khoản điện tử chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp thay đổi nội dung hoặc tài khoản bị hủy theo quy định tại khoản 7 Điều này;  b) Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có văn bản trả lời và cấp tài khoản điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức; trường hợp không cấp tài khoản điện tử thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.  3. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này sử dụng tài khoản điện tử truy cập vào Trang thông tin cấp thị thực điện tử để đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài; nộp phí cấp thị thực vào tài khoản quy định tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử sau khi nhận mã hồ sơ điện tử của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.  4. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết, trả lời cơ quan, tổ chức tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử và phí cấp thị thực.  5. Cơ quan, tổ chức truy cập vào Trang thông tin cấp thị thực điện tử, sử dụng mã hồ sơ điện tử để nhận kết quả trả lời của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và thông báo cho người nước ngoài.  6. Người nước ngoài được cấp thị thực điện tử sử dụng mã hồ sơ điện tử do cơ quan, tổ chức thông báo để in kết quả cấp thị thực điện tử tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử.  7. Tài khoản điện tử bị hủy theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có tài khoản; cơ quan, tổ chức có tài khoản được tổ chức lại, giải thể, phá sản hoặc vi phạm quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, về quản lý xuất nhập cảnh. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh hủy tài khoản điện tử và có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức có tài khoản biết. | **Điều 16b. Thủ tục cấp thị thực điện tử theo đề nghị của cơ quan, tổ chức**  1. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này được đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài khi có đủ các điều kiện sau đây:  ***a) Có tài khoản định danh điện tử do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về định danh điện tử và xác thực điện tử;***  b) Có chữ ký điện tử theo quy định của Luật Giao dịch điện tử.  ***2. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này sử dụng tài khoản định danh điện tử truy cập vào Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Trang thông tin cấp thị thực điện tử để đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài; nộp phí cấp thị thực vào tài khoản quy định tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Trang thông tin cấp thị thực điện tử sau khi nhận mã hồ sơ điện tử của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.***  ***3. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết, trả lời cơ quan, tổ chức tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Trang thông tin cấp thị thực điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử và phí cấp thị thực.***  ***4. Cơ quan, tổ chức truy cập vào Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Trang thông tin cấp thị thực điện tử, sử dụng mã hồ sơ điện tử để nhận kết quả trả lời của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và thông báo cho người nước ngoài.***  ***5. Người nước ngoài được cấp thị thực điện tử sử dụng mã hồ sơ điện tử do cơ quan, tổ chức thông báo để in kết quả cấp thị thực điện tử tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Trang thông tin cấp thị thực điện tử.*** | Để phù hợp với thực tiễn cơ quan, tổ chức, cá nhân sẽ sử dụng tài khoản định danh để đăng nhập trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh. |
| **Điều 22. Thẩm quyền quyết định chưa cho nhập cảnh**  3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định chưa cho nhập cảnh đối với trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 21 của Luật này. | **Điều 22. Thẩm quyền quyết định chưa cho nhập cảnh**  3. Bộ trưởng ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường*** ~~Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn~~ quyết định chưa cho nhập cảnh đối với trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 21 của Luật này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 29. Thẩm quyền quyết định tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn tạm hoãn xuất cảnh, giải tỏa tạm hoãn xuất cảnh**  1. Thủ trưởng cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án, Chủ tịch Hội đồng cạnh tranh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật này. | **Điều 29. Thẩm quyền quyết định tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn tạm hoãn xuất cảnh, giải tỏa tạm hoãn xuất cảnh**  1. Thủ trưởng cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án, Chủ tịch ***Ủy ban cạnh tranh quốc gia*** ~~Hội đồng cạnh tranh~~ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 33. Khai báo tạm trú**  1. Người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam phải thông qua người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú để khai báo tạm trú với Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú. Cơ sở lưu trú có trách nhiệm yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú trước khi đồng ý cho người nước ngoài tạm trú. Trường hợp đồn, trạm Biên phòng tiếp nhận khai báo tạm trú của người nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì đồn, trạm Biên phòng có trách nhiệm thông báo ngay cho Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi người nước ngoài tạm trú.  2. Việc khai báo tạm trú cho người nước ngoài thực hiện qua môi trường điện tử hoặc phiếu khai báo tạm trú.  Trường hợp khai báo qua phiếu khai báo tạm trú, người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào phiếu khai báo tạm trú và chuyển đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú trong thời hạn 12 giờ, đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người nước ngoài đến cơ sở lưu trú. | **Điều 33. Khai báo tạm trú**  1. Người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam phải thông qua người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú để khai báo tạm trú với Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú. Cơ sở lưu trú có trách nhiệm yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú trước khi đồng ý cho người nước ngoài tạm trú. Trường hợp đồn, trạm Biên phòng tiếp nhận khai báo tạm trú của người nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì đồn, trạm Biên phòng có trách nhiệm thông báo ngay cho Công an xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn~~ hoặc đồn, trạm Công an nơi người nước ngoài tạm trú.  2. Việc khai báo tạm trú cho người nước ngoài thực hiện qua môi trường điện tử hoặc phiếu khai báo tạm trú.  Trường hợp khai báo qua phiếu khai báo tạm trú, người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào phiếu khai báo tạm trú và chuyển đến Công an xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn~~ hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú trong thời hạn 12 giờ, đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người nước ngoài đến cơ sở lưu trú. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 34. Tạm trú tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển, khu vực biên giới và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt**  2. Người nước ngoài không được tạm trú tại khu vực cấm, khu vực tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền; vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động trong khu vực biên giới biển. Trường hợp tạm trú tại cơ sở lưu trú trong khu vực biên giới hoặc thị trấn, thị xã, thành phố, khu du lịch, dịch vụ, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, khu kinh tế khác có liên quan đến khu vực biên giới thì khai báo tạm trú theo quy định tại Điều 33 của Luật này. Cơ quan tiếp nhận khai báo tạm trú của người nước ngoài có trách nhiệm thông báo ngay cho đồn, trạm Biên phòng nơi có cơ sở lưu trú. | **Điều 34. Tạm trú tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển, khu vực biên giới và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt**  2. Người nước ngoài không được tạm trú tại khu vực cấm, khu vực tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền; vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động trong khu vực biên giới biển. Trường hợp tạm trú tại cơ sở lưu trú trong khu vực biên giới hoặc ***đơn vị hành chính cấp xã*** ~~thị trấn, thị xã, thành phố~~, khu du lịch, dịch vụ, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, khu kinh tế khác có liên quan đến khu vực biên giới thì khai báo tạm trú theo quy định tại Điều 33 của Luật này. Cơ quan tiếp nhận khai báo tạm trú của người nước ngoài có trách nhiệm thông báo ngay cho đồn, trạm Biên phòng nơi có cơ sở lưu trú. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 36. Các trường hợp được cấp thẻ tạm trú và ký hiệu thẻ tạm trú**  1. Các trường hợp được cấp thẻ tạm trú bao gồm:  b) Người nước ngoài nhập cảnh bằng thị thực có ký hiệu LV1, LV2, LS, ĐT1, ĐT2, ĐT3, NN1, NN2, DH, PV1, LĐ1, LĐ2, TT. | **Điều 36. Các trường hợp được cấp thẻ tạm trú và ký hiệu thẻ tạm trú**  1. Các trường hợp được cấp thẻ tạm trú bao gồm:  b) Người nước ngoài ***đang tạm trú tại Việt Nam, thuộc diện được*** ***cấp*** ~~nhập cảnh cảnh bằng~~ thị thực có ký hiệu LV1, LV2, LS, ĐT1, ĐT2, ĐT3, NN1, NN2, DH, PV1, LĐ1, LĐ2, TT, ***UĐ1, UĐ2***. | Để thống nhất với việc bổ sung khoản 22, khoản 23 tại Điều 8 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, tạo điều kiện cho người nước ngoài và doanh nghiệp, phù hợp với thực tiễn; đồng thời, để quy định rõ ràng, thống nhất người nước ngoài phải đang ở Việt Nam mới được xét cấp thẻ tạm trú. |
| **Điều 38. Thời hạn thẻ tạm trú**  2. Thẻ tạm trú có ký hiệu ĐT1 có thời hạn không quá 10 năm. | **Điều 38. Thời hạn thẻ tạm trú**  2. Thẻ tạm trú có ký hiệu ĐT1***, UĐ1, UĐ2*** có thời hạn không quá 10 năm. | - Để thống nhất với việc bổ sung khoản 22, khoản 23 tại Điều 8 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; đồng thời, tạo điều kiện cho người nước ngoài và doanh nghiệp, phù hợp với thực tiễn.  - Khoản 2 Điều 19 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định *“nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là người nước ngoài được cấp thẻ tạm trú có thời hạn* ***05 năm*** *và được gia hạn theo quy định pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi của nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là người nước ngoài được cấp thẻ tạm trú với thời hạn tương ứng với thời hạn cấp cho nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; được chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng tạo điều kiện, hỗ trợ về thủ tục khi tìm kiếm việc làm và tuyển sinh, học tập tại các cơ sở giáo dục tại Việt Nam”.*  - Khoản 1 Điều 20 Nghị quyết số 222/2025/QH15 quy định *“cấp thị thực, thẻ tạm trú thời hạn đến* ***10 năm*** *cho người nước ngoài là nhà đầu tư quan trọng, chuyên gia, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc cho cơ quan, tổ chức có trụ sở trong Trung tâm tài chính quốc tế (ký hiệu thị thực, thẻ tạm trú là UĐ1) và thành viên gia đình đi cùng (ký hiệu thị thực, thẻ tạm trú là UĐ2)”*.  - Điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 226/2025/QH15 quy định *“miễn thị thực và cấp thẻ tạm trú* ***10 năm*** *cho người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao (ký hiệu UĐ1) và các thành viên gia đình (ký hiệu UĐ2) làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở chính trong Khu TMTD”.* |
| **Điều 43. Cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú**  2. Trường hợp thẻ thường trú bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi nội dung ghi trong thẻ, người nước ngoài thường trú phải làm thủ tục cấp lại thẻ tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thường trú. Hồ sơ bao gồm:  b) Thẻ thường trú, trường hợp thẻ thường trú bị mất phải có đơn báo mất; | **Điều 43. Cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú**  2. Trường hợp thẻ thường trú bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi nội dung ghi trong thẻ, người nước ngoài thường trú phải làm thủ tục cấp lại thẻ tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thường trú. Hồ sơ bao gồm:  b) Thẻ thường trú, ***trừ trường hợp bị mất*** ~~trường hợp thẻ thường trú bị mất phải có đơn báo mất~~;  ***4. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định trường hợp cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh vì lý do ngoại giao, quốc phòng, an ninh.*** | - Để cắt giảm thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ thường trú, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nước ngoài.  - Để đáp ứng yêu cầu của công tác ngoại giao, quốc phòng, an ninh. |
| **Điều 45. Quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh**  1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh có các quyền sau đây:  b) Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước được mời, bảo lãnh ông, bà, cha, mẹ của vợ hoặc chồng; vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là người nước ngoài vào Việt Nam thăm; | **Điều 45. Quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh**  1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh có các quyền sau đây:  b) Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước được mời, bảo lãnh ông, bà, cha, mẹ của vợ hoặc chồng; vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là người nước ngoài vào Việt Nam thăm~~;~~***.*** ***Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước là ông, bà được mời, bảo lãnh người nước ngoài là cháu nội, cháu ngoại vào Việt Nam thăm;*** | - Theo quy định hiện hành, cháu có thể bảo lãnh cho ông, bà nhưng ông, bà không được bảo lãnh cho cháu; do vậy cần bổ sung để bảo đảm tính thống nhất.  - Hiện Luật Quốc tịch đã mở rộng đối tượng được nhập quốc tịch Việt Nam đến cháu nội, cháu ngoại.  - Thực tiễn có nhiều trường hợp ông bà có nhu cầu bảo lãnh cho cháu về thăm quê hương cùng gia đình. |
| **Điều 46. Trách nhiệm của Chính phủ**  3. Quy định việc người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, khu kinh tế ven biển được miễn thị thực quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều 12 của Luật này có nhu cầu đến địa điểm khác của Việt Nam; việc cấp thị thực cho người nước ngoài vào Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhưng chưa có hiện diện thương mại hoặc đối tác tại Việt Nam; hình thức cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam; người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua Cổng kiểm soát tự động. | **Điều 46. Trách nhiệm của Chính phủ**  3. Quy định việc người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, khu kinh tế ven biển được miễn thị thực quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều 12 của Luật này có nhu cầu đến địa điểm khác của Việt Nam; việc cấp thị thực cho người nước ngoài vào Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhưng chưa có hiện diện thương mại hoặc đối tác tại Việt Nam; hình thức cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam; ***cấp, sử dụng định danh điện tử cho người nước ngoài;***người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua Cổng kiểm soát tự động. | Để hoàn thiện cơ sở pháp lý theo quy định tại Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử. |
| **Điều 51. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**  5. Ngoài quy định nêu tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc nắm tình hình hoạt động của cơ sở lưu trú và quản lý việc cư trú, hoạt động của người nước ngoài ở địa phương. | **Điều 51. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**  5. Ngoài quy định nêu tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, Ủy ban nhân dân xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn~~ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc nắm tình hình hoạt động của cơ sở lưu trú và quản lý việc cư trú, hoạt động của người nước ngoài ở địa phương. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **3. LUẬT XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM** | | |
| **Điều 6. Giấy tờ xuất nhập cảnh**  3. Thông tin trên giấy tờ xuất nhập cảnh bao gồm:  g) Số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân; | **Điều 6. Giấy tờ xuất nhập cảnh**  3. Thông tin trên giấy tờ xuất nhập cảnh bao gồm:  g) Số định danh cá nhân ~~hoặc số chứng minh nhân dân~~; | Để thống nhất với quy định của Luật Căn cước. |
| **Điều 7. Thời hạn của giấy tờ xuất nhập cảnh**  2. Thời hạn của hộ chiếu phổ thông được quy định như sau:  c) Hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn có thời hạn không quá 12 tháng và không được gia hạn. | **Điều 7. Thời hạn của giấy tờ xuất nhập cảnh**  2. Thời hạn của hộ chiếu phổ thông được quy định như sau:  c) Hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn có thời hạn không quá 12 tháng***,*** ~~và~~không được gia hạn ***và chỉ có giá trị sử dụng 01 lần khi xuất cảnh Việt Nam hoặc nhập cảnh Việt Nam***. | Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì đối tượng được cấp hộ chiếu theo thủ tục rút gọn là những người ra nước ngoài có thời hạn bị mất hộ chiếu hoặc những người bị nước ngoài trục xuất; mục đích cấp cho họ chỉ để về nước, do đó chỉ cần dùng 01 lần. Còn đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam là người được cấp hộ chiếu vì lý do quốc phòng, an ninh nên hộ chiếu cấp cho đối tượng này cũng chỉ có giá trị sử dụng 01 lần để tránh trường hợp đối tượng được cấp hộ chiếu này sử dụng vào các mục đích khác không phù hợp. |
| **Điều 9. Đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ**  2. Viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm:  d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Huyện ủy, Quận ủy, Thị ủy, Thành ủy thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; | **Điều 9. Đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ**  2. Viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm:  d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ~~Huyện ủy, Quận ủy, Thị ủy, Thành ủy thuộc~~ Tỉnh ủy, Thành ủy***,*** ~~thành phố trực thuộc Trung ương;~~ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp ***xã*** ~~huyện~~; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 12. Cấp, gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước**  1. Người đề nghị cấp, gia hạn hộ chiếu nộp tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ thông tin, 02 ảnh chân dung và giấy tờ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều này tại Cơ quan Lãnh sự Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan được Bộ Ngoại giao ủy quyền.  2. Giấy tờ liên quan đến đề nghị cấp, gia hạn hộ chiếu bao gồm:  đ) Bản chụp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân khác và xuất trình bản chính để đối chiếu;  e) Bản chụp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, Giấy khai sinh, trích lục khai sinh hoặc giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi đối với trường hợp chưa đủ 18 tuổi quy định tại khoản 14 Điều 8, khoản 5 Điều 9 của Luật này và xuất trình bản chính để đối chiếu; | **Điều 12. Cấp, gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước**  1. Người đề nghị cấp, gia hạn hộ chiếu nộp tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ thông tin, 02 ảnh chân dung***,*** ~~và~~ giấy tờ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều này ***và xuất trình Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ Căn cước hoặc Căn cước điện tử*** tại Cơ quan Lãnh sự Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan được Bộ Ngoại giao ủy quyền.  2. Giấy tờ liên quan đến đề nghị cấp, gia hạn hộ chiếu bao gồm:  ~~đ) Bản chụp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân khác và xuất trình bản chính để đối chiếu;~~  e) Bản chụp ~~Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân,~~ Giấy khai sinh, trích lục khai sinh hoặc giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi đối với trường hợp chưa đủ 18 tuổi quy định tại khoản 14 Điều 8, khoản 5 Điều 9 của Luật này và xuất trình bản chính để đối chiếu; | Để thống nhất với quy định của Luật Căn cước; đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người thực hiện thủ tục cấp, gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trong nước. |
| **Điều 15. Cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước**  1. Người đề nghị cấp hộ chiếu nộp tờ khai theo mẫu đã điềnđầy đủ thông tin, 02 ảnh chân dung và giấy tờ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều này; xuất trình Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng. | **Điều 15. Cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước**  1. Người đề nghị cấp hộ chiếu nộp tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ thông tin, 02 ảnh chân dung và giấy tờ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều này; xuất trình ~~Chứng minh nhân dân,~~ Thẻ căn cước công dân ***hoặc Thẻ căn cước hoặc Căn cước điện tử*** hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng. | Để thống nhất với quy định của Luật Căn cước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước. |
| **Điều 16. Cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài**  1a. Giấy tờ liên quan đến việc cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài bao gồm:  b) Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có liên quan do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất; | **Điều 16. Cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài**  1a. Giấy tờ liên quan đến việc cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài bao gồm:  b) Bản chụp ~~Chứng minh nhân dân hoặc~~ Thẻ căn cước công dân ***hoặc Thẻ Căn cước hoặc Căn cước điện tử*** hoặc giấy tờ khác có liên quan do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất; | - Để thống nhất với quy định của Luật Căn cước.  - Cần giữ lại quy định về bản chụp vì đây là trường hợp cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài khi có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất, do đó cần xuất trình các bản chụp này để có cơ sở xác nhận. |
| **Điều 19. Đối tượng được cấp giấy thông hành**  1. Công dân Việt Nam cư trú ở đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh có chung đường biên giới với nước láng giềng. | **Điều 19. Đối tượng được cấp giấy thông hành**  1. Công dân Việt Nam cư trú ở đơn vị hành chính cấp xã, ~~huyện,~~ tỉnh có chung đường biên giới với nước láng giềng. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 20. Cấp giấy thông hành**  2. Công an xã, phường, thị trấn, công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh tiếp giáp đường biên giới với nước láng giềng cấp giấy thông hành cho các trường hợp quy định tại Điều 19 của Luật này. | **Điều 20. Cấp giấy thông hành**  2. Công an xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn, công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh~~, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh tiếp giáp đường biên giới với nước láng giềng cấp giấy thông hành cho các trường hợp quy định tại Điều 19 của Luật này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 21. Trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh**  2. Người bị tạm hoãn xuất cảnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 37 của Luật này. | **Điều 21. Trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh**  2. Người bị tạm hoãn xuất cảnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 37 của Luật này ***hoặc trường hợp người đó đang ở nước ngoài***. | Cần loại trừ việc chưa được cấp giấy tờ xuất nhập cảnh đối với trường hợp thuộc diện tạm hoãn xuất cảnh trong trường hợp người đó đang ở nước ngoài (vì trên thực tế trường hợp này vẫn cần cấp hộ chiếu để về nước theo yêu cầu của cơ quan chức năng). |
| **Điều 27. Các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu** | **Điều 27. Các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu**  ***5. Hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông còn thời hạn đối với trường hợp đã được cấp hộ chiếu mới.***  ***6. Thu hồi, hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu của người đã được cấp nhưng bị sai thông tin chi tiết nhân thân.***  ***7. Hủy giá trị sử dụng hộ chiếu của người đang bị truy nã.*** | Cần bổ sung thêm các trường hợp bị thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu để phù hợp với thực tiễn. Đối với trường hợp người bị truy nã thì không rõ họ đang ở trong hay ngoài nước, nếu họ đang ở nước ngoài thì cấp hộ chiếu theo quy định tại Điều 17 Luật này để đưa họ về nước. |
| **Điều 28. Hủy giá trị sử dụng hộ chiếu còn thời hạn bị mất**  2. Việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông được quy định như sau:  a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hộ chiếu phổ thông bị mất, người bị mất hộ chiếu trực tiếp nộp hoặc gửi đơn báo mất theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Công an cấp huyện, cấp xã hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi thuận lợi hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc trên môi trường điện tử tại cổng dịch vụ công quốc gia hoặc cổng dịch vụ công của Bộ Công an. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, thời hạn nộp hoặc gửi đơn báo mất có thể dài hơn nhưng trong đơn phải giải thích cụ thể về lý do bất khả kháng; | **Điều 28. Hủy giá trị sử dụng hộ chiếu còn thời hạn bị mất**  2. Việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông được quy định như sau:  a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hộ chiếu phổ thông bị mất, người bị mất hộ chiếu trực tiếp nộp hoặc gửi đơn báo mất theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Công an ~~cấp huyện,~~ cấp xã hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi thuận lợi hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc trên môi trường điện tử tại cổng dịch vụ công quốc gia hoặc cổng dịch vụ công của Bộ Công an. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, thời hạn nộp hoặc gửi đơn báo mất có thể dài hơn nhưng trong đơn phải giải thích cụ thể về lý do bất khả kháng; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
|  | ***Điều 31a.* *Hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông cũ còn thời hạn đối với trường hợp đã được cấp hộ chiếu phổ thông mới và thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu đã được cấp nhưng bị sai thông tin chi tiết nhân thân***  ***1. Hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông cũ còn thời hạn đối với trường hợp đã được cấp hộ chiếu phổ thông mới:***  ***Sau khi cấp hộ chiếu phổ thông mới cho công dân, cơ quan cấp hộ chiếu thực hiện việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông cũ của người đó nếu hộ chiếu cũ còn thời hạn sử dụng.***  ***2. Thu hồi, hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu đã được cấp nhưng bị sai thông tin chi tiết nhân thân:***  ***a) Khi có căn cứ xác định hộ chiếu đã cấp cho công dân bị sai thông tin chi tiết nhân thân thì cơ quan cấp hộ chiếu kiểm tra, yêu cầu người đã được cấp hộ chiếu nộp lại hộ chiếu đó để thu hủy;***  ***b) Trường hợp không thu hồi được hộ chiếu còn thời hạn thì cơ quan cấp hộ chiếu thực hiện việc hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu đó.*** | Để thống nhất với việc bổ sung khoản 5, khoản 6, khoản 7 vào sau khoản 4 Điều 27 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và phù hợp với tình hình thực tiễn. |
|  | ***Điều 31b. Hủy giá trị sử dụng hộ chiếu của người đang bị truy nã***  ***Khi có căn cứ xác định người đang bị truy nã đã được cấp hộ chiếu đang còn thời hạn, cơ quan có thẩm quyền cấp hộ chiếu kiểm tra và thực hiện hủy giá trị sử dụng hộ chiếu của người đang bị truy nã.*** | Để thống nhất với việc bổ sung khoản 5, khoản 6, khoản 7 vào sau khoản 4 Điều 27 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và phù hợp với tình hình thực tiễn. |
| **Điều 41. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam**  1. Nội dung thông tin được thu thập, cập nhật bao gồm:  g) Số chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân; | **Điều 41. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam**  1. Nội dung thông tin được thu thập, cập nhật bao gồm:  g) Số ~~chứng minh nhân dân hoặc số~~ định danh cá nhân; | Để thống nhất với quy định của Luật Căn cước. |
| **Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao**  2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn cụ thể quy trình cấp, gia hạn, thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ do Cơ quan Lãnh sự Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan được Bộ Ngoại giao ủy quyền thực hiện; phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn cụ thể quy trình cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. | **Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao**  2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an ***quy định*** ~~hướng dẫn cụ thể quy trình~~ ***việc*** cấp, gia hạn, thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ***, cấp công hàm hỗ trợ xin thị thực*** do Cơ quan Lãnh sự Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan được Bộ Ngoại giao ủy quyền thực hiện; phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn cụ thể quy trình cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. | Để đảm bảo thực hiện đầy đủ, hiệu quả chức năng quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao về xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam. |
| **4. LUẬT CƯ TRÚ** | | |
| **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  2. *Cư trú* là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã (sau đây gọi chung là đơn vị hành chính cấp xã).  4. *Cơ quan đăng ký cư trú* là cơ quan quản lý cư trú trực tiếp thực hiện việc đăng ký cư trú của công dân, bao gồm Công an xã, phường, thị trấn; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã. | **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  2. *Cư trú* là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã ~~hoặc đơn vị hành chính cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã (sau đây gọi chung là đơn vị hành chính cấp xã)~~.  4. *Cơ quan đăng ký cư trú* là cơ quan quản lý cư trú trực tiếp thực hiện việc đăng ký cư trú của công dân, bao gồm Công an xã, phường, ***đặc khu* *(sau đây gọi chung là Công an cấp xã)*** ~~thị trấn; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã~~. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 4. Việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân**  2. Việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân chỉ bị hạn chế trong các trường hợp sau đây:  b) Người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; người phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ chấp hành; người bị quản lý trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; | **Điều 4. Việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân**  2. Việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân chỉ bị hạn chế trong các trường hợp sau đây:  b) Người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn~~, biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; người phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ chấp hành; người bị quản lý trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; | Để thống nhất tên gọi của biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 21. Hồ sơ đăng ký thường trú**  8. Trường hợp người đăng ký thường trú quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này là người chưa thành niên thì trong tờ khai thay đổi thông tin cư trú phải ghi rõ ý kiến đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản. | **Điều 21. Hồ sơ đăng ký thường trú**  8. Trường hợp người đăng ký thường trú quy định tại các khoản 1, ~~2,~~ 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này là người chưa thành niên thì trong tờ khai thay đổi thông tin cư trú phải ghi rõ ý kiến đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản. | Vì tại khoản 2 Điều 21 Luât này đã có quy định về việc phải có ý kiến đồng ý đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ. |
| **Điều 24. Xóa đăng ký thường trú**  1. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị xóa đăng ký thường trú:  đ) Đã được cơ quan có thẩm quyền cho thôi quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; | **Điều 24. Xóa đăng ký thường trú**  1. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị xóa đăng ký thường trú:  đ) Đã được cơ quan có thẩm quyền cho thôi quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, ***huỷ bỏ quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam***; | Cần bổ sung trường hợp xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú đối với trường hợp huỷ bỏ quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam để phù hợp, thống nhất với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam. |
| **Điều 29. Xóa đăng ký tạm trú**  1. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị xóa đăng ký tạm trú:  d) Đã được cơ quan có thẩm quyền cho thôi quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; | **Điều 29. Xóa đăng ký tạm trú**  1. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị xóa đăng ký tạm trú:  d) Đã được cơ quan có thẩm quyền cho thôi quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, ***huỷ bỏ quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam***; | Cần bổ sung trường hợp xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú đối với trường hợp huỷ bỏ quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam để phù hợp, thống nhất với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam. |
| **Điều 30. Thông báo lưu trú**  1. Khi có người đến lưu trú, thành viên hộ gia đình, người đại diện cơ sở chữa bệnh, cơ sở lưu trú du lịch và các cơ sở khác có chức năng lưu trú có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với cơ quan đăng ký cư trú; trường hợp người đến lưu trú tại chỗ ở của cá nhân, hộ gia đình mà cá nhân, thành viên hộ gia đình không có mặt tại chỗ ở đó thì người đến lưu trú có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với cơ quan đăng ký cư trú.  3. Nội dung thông báo về lưu trú bao gồm họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân dân, số hộ chiếu của người lưu trú; lý do lưu trú; thời gian lưu trú; địa chỉ lưu trú. | **Điều 30. Thông báo lưu trú**  1. Khi có người đến lưu trú, thành viên hộ gia đình, người đại diện cơ sở chữa bệnh, cơ sở lưu trú du lịch***,*** ***chủ sở hữu phương tiện hoặc người được giao quản lý phương tiện***và các cơ sở ~~khác có chức năng~~ lưu trú ***khác*** có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với cơ quan đăng ký cư trú; trường hợp người đến lưu trú tại chỗ ở của cá nhân, hộ gia đình mà cá nhân, thành viên hộ gia đình không có mặt tại chỗ ở đó thì người đến lưu trú có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với cơ quan đăng ký cư trú.  3. Nội dung thông báo về lưu trú bao gồm họ và tên, số định danh cá nhân hoặc ~~số Chứng minh nhân dân,~~ số hộ chiếu của người lưu trú; lý do lưu trú; thời gian lưu trú; địa chỉ lưu trú. | Để phù hợp thực tiễn, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi khách quan hiện nay, bảo đảm tính kịp thời, toàn diện, hiệu quả của công tác quản lý cư trú. |
| **Điều 31. Khai báo tạm vắng**  1. Công dân có trách nhiệm khai báo tạm vắng trong các trường hợp sau đây:  c) Đi khỏi phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện nơi đang cư trú từ 03 tháng liên tục trở lên đối với người trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc người đang phải thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; | **Điều 31. Khai báo tạm vắng**  1. Công dân có trách nhiệm khai báo tạm vắng trong các trường hợp sau đây:  c) Đi khỏi phạm vi đơn vị hành chính cấp ***xã*** ~~huyện~~ nơi đang cư trú từ 03 tháng liên tục trở lên đối với người trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc người đang phải thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **5. LUẬT CĂN CƯỚC** | | |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  10. *Cơ quan quản lý căn cước* là cơ quan được Bộ Công an giao thực hiện nhiệm vụ quản lý căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  10. *Cơ quan quản lý căn cước* là cơ quan được Bộ Công an giao thực hiện nhiệm vụ quản lý căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử***, gồm:*** ***cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an, cơ quan quản lý căn cước của Công an tỉnh, thành phố và Công an xã, phường, đặc khu***. | Cần bổ sung, liệt kê cụ thể ngay tại nội dung này về các cơ quan quản lý căn cước trong Công an nhân dân để thống nhất thực hiện trên thực tế. |
| **Điều 25. Trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước**  4. Việc cấp lại thẻ căn cước đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 của Luật này được thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công, ứng dụng định danh quốc gia hoặc trực tiếp tại nơi làm thủ tục cấp thẻ căn cước. Cơ quan quản lý căn cước sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp lại thẻ căn cước. | **Điều 25. Trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước**  4. Việc ***cấp đổi***, cấp lại thẻ căn cước đối với trường hợp quy định tại ***điểm đ khoản 1,*** điểm a khoản 2 Điều 24 của Luật này được thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công, ứng dụng định danh quốc gia hoặc trực tiếp tại nơi làm thủ tục cấp thẻ căn cước. Cơ quan quản lý căn cước sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp lại thẻ căn cước. | Để tạo điều kiện thuận lợi cho người có  thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính, người bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được được thực hiện cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước trực tuyến trên cổng dịch vụ công, ứng dụng định danh quốc gia hoặc trực tiếp tại nơi làm thủ tục cấp thẻ căn cước. |
| **Điều 27. Nơi làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước**  1. Cơ quan quản lý căn cước của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương hoặc cơ quan quản lý căn cước của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi công dân cư trú.  2. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an đối với những trường hợp do thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an quyết định.  3. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý căn cước quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tổ chức làm thủ tục cấp thẻ căn cước tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị hoặc tại chỗ ở của công dân. | **Điều 27. Nơi làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước**  1. Cơ quan quản lý căn cước của ~~Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương hoặc cơ quan quản lý căn cước của~~ Công an tỉnh, thành phố ~~trực thuộc trung ương~~ ***và Công an xã, phường, đặc khu*** ~~nơi công dân cư trú~~.  2. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an đối với những trường hợp do thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an quyết định.  3. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý căn cước quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tổ chức làm thủ tục cấp thẻ căn cước tại ~~xã, phường, thị trấn,~~ cơ quan, đơn vị hoặc tại chỗ ở của công dân.”. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 29. Thu hồi, giữ thẻ căn cước**  1. Thẻ căn cước bị thu hồi trong trường hợp sau đây:  a) Công dân bị tước quốc tịch Việt Nam, được thôi quốc tịch Việt Nam, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; | **Điều 29. Thu hồi, giữ thẻ căn cước**  1. Thẻ căn cước bị thu hồi trong trường hợp sau đây:  a) Công dân bị tước quốc tịch Việt Nam, được thôi quốc tịch Việt Nam, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, ***bị huỷ bỏ quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam***; | Cần bổ sung trường hợp bị thu hồi, giữ thẻ căn cước quy định đối với trường hợp huỷ bỏ quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam để phù hợp, thống nhất với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam. |
| **Điều 30. Giấy chứng nhận căn cước và quản lý về căn cước đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được cấp giấy chứng nhận căn cước**  1. Giấy chứng nhận căn cước được cấp cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch mà đang sinh sống liên tục từ 06 tháng trở lên tại đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã.  4. Nơi làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận căn cước được quy định như sau:  a) Cơ quan quản lý căn cước của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương hoặc cơ quan quản lý căn cước của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch sinh sống;  b) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý căn cước quy định tại điểm a khoản này tổ chức làm thủ tục cấp giấy chứng nhận căn cước tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị hoặc tại chỗ ở của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch. | **Điều 30. Giấy chứng nhận căn cước và quản lý về căn cước đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được cấp giấy chứng nhận căn cước**  1. Giấy chứng nhận căn cước được cấp cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch mà đang sinh sống liên tục từ 06 tháng trở lên tại đơn vị hành chính cấp xã ~~hoặc đơn vị hành chính cấp huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã~~.  4. Nơi làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận căn cước được quy định như sau:  a) ~~Cơ quan quản lý căn cước của~~ Công an ~~huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương~~ ***xã, phường, đặc khu,*** ~~hoặc~~ cơ quan quản lý căn cước của Công an tỉnh, thành phố ~~trực thuộc trung ương~~ nơi người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch sinh sống;  b) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý căn cước quy định tại điểm a khoản này tổ chức làm thủ tục cấp giấy chứng nhận căn cước tại xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn~~, cơ quan, đơn vị hoặc tại chỗ ở của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 33. Giá trị sử dụng của căn cước điện tử** | **Điều 33. Giá trị sử dụng của căn cước điện tử**  ***3. Trường hợp người được cấp căn cước điện tử phải xuất trình căn cước điện tử theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đó không được yêu cầu người được cấp căn cước điện tử xuất trình giấy tờ hoặc cung cấp thông tin đã được tích hợp vào căn cước điện tử.*** | Để tương đồng với quy định tại Điều 20 Luật Căn cước. Bởi vì, tại Điều 33 Luật Căn cước quy định về giá trị sử dụng của căn cước điện tử lại không quy định nội dung tương tự như tại khoản 3 Điều 20 Luật Căn cước dẫn đến việc nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn yêu cầu công dân phải xuất trình giấy tờ hoặc cung cấp thông tin đã được tích hợp vào căn cước điện tử. Điều này làm mất đi giá trị của việc tích hợp thông tin vào căn cước điện tử. |
| **6. LUẬT LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ** | | |
| **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  2. *Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở* là lực lượng do chính quyền địa phương thành lập trên cơ sở tự nguyện của người dân để hỗ trợ Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Công an cấp xã) giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. | **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  2. *Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở* là lực lượng do chính quyền địa phương thành lập trên cơ sở tự nguyện của người dân để hỗ trợ Công an xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn~~ (sau đây gọi là Công an cấp xã) giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 5. Quan hệ công tác, phối hợp, hỗ trợ trong tổ chức, hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**  4. Đối với huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an huyện thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an cấp xã theo quy định của Luật này. | **Điều 5. Quan hệ công tác, phối hợp, hỗ trợ trong tổ chức, hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**  ~~4. Đối với huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an huyện thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an cấp xã theo quy định của Luật này.~~ | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 11. Hỗ trợ vận động, giáo dục người đã có hành vi vi phạm pháp luật đang cư trú tại cơ sở**  Hỗ trợ Công an cấp xã vận động, giáo dục những người sau đây đang sinh sống trên địa bàn phụ trách chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước:  3. Người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, quản lý tại gia đình; người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; người bị quản lý trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; người có hành vi bạo lực gia đình. | **Điều 11. Hỗ trợ vận động, giáo dục người đã có hành vi vi phạm pháp luật đang cư trú tại cơ sở**  Hỗ trợ Công an cấp xã vận động, giáo dục những người sau đây đang sinh sống trên địa bàn phụ trách chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước:  3. Người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn~~, quản lý tại gia đình; người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; người bị quản lý trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; người có hành vi bạo lực gia đình. | Để thống nhất với biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 13. Tiêu chuẩn, điều kiện tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**  Công dân Việt Nam có nguyện vọng và có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây được xem xét, tuyển chọn tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:  2. Có lý lịch rõ ràng; phẩm chất đạo đức tốt; bản thân và gia đình chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành án hình sự ở xã, phường, thị trấn, chấp hành biện pháp tư pháp hoặc chấp hành biện pháp xử lý hành chính. Trường hợp đã chấp hành xong bản án của Tòa án thì phải được xóa án tích; đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì phải hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật; | **Điều 13. Tiêu chuẩn, điều kiện tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**  Công dân Việt Nam có nguyện vọng và có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây được xem xét, tuyển chọn tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:  2. Có lý lịch rõ ràng; phẩm chất đạo đức tốt; bản thân và gia đình chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành án hình sự ở xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn~~, chấp hành biện pháp tư pháp hoặc chấp hành biện pháp xử lý hành chính. Trường hợp đã chấp hành xong bản án của Tòa án thì phải được xóa án tích; đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì phải hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 14. Bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**  2. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được bố trí thành Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Địa bàn phụ trách của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự là một hoặc một số thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc tại huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã. | **Điều 14. Bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**  2. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được bố trí thành Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Địa bàn phụ trách của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự là một hoặc một số thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ~~hoặc tại huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã~~. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 30. Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp**  3. Hội đồng nhân dân cấp huyện tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã và Hội đồng nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả tổ chức, hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn. | **Điều 30. Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp**  3. ~~Hội đồng nhân dân cấp huyện tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc~~ ~~Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã và Hội đồng nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân cấp xã~~. ***Tại đặc khu không tổ chức Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân nhân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân cấp xã***. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp ~~huyện~~ ***tỉnh*** về kết quả tổ chức, hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **7.** **LUẬT TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ** | | |
| **Điều 6. Giáo dục kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**  3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình giảng dạy trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với từng cấp học, ngành học. | **Điều 6. Giáo dục kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**  3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, ~~Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội,~~ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình giảng dạy trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với từng cấp học, ngành học. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 7. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**  1. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ bao gồm:  c) Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;  d) Cơ sở dữ liệu về người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;  h) Cơ sở dữ liệu về hành trình của phương tiện giao thông đường bộ, hình ảnh người lái xe theo quy định của Luật này; | **Điều 7. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**  1. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ bao gồm:  c) Cơ sở dữ liệu về đào tạo~~, sát hạch, cấp giấy phép~~ lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ ***cho người điều khiển xe máy chuyên dùng***;  d) Cơ sở dữ liệu về ***sát hạch, cấp giấy phép lái xe*** ~~người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng~~;  h) Cơ sở dữ liệu về hành trình của phương tiện giao thông đường bộ, hình ảnh người lái xe***, hình ảnh khoang chở khách*** theo quy định của Luật này; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy; thống nhất về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 Luật này. |
| **Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm**  18. Làm gián đoạn hoạt động hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình, camera lắp trên xe theo quy định của Luật này. | **Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm**  18. Làm gián đoạn hoạt động hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình, ***thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, hình ảnh khoang chở khách,*** ~~camera lắp trên xe~~ theo quy định của Luật này. | Để thống nhất về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 Luật này. |
| **Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ**  13. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, trừ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông. | **Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ**  13. Bộ trưởng ***Bộ Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, trừ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 12. Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe**  4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. | **Điều 12. Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe**  4. Bộ trưởng ***Bộ Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ quy định chi tiết về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 27. Xe ưu tiên**  3. Xe ưu tiên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này phải có tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật. Màu của tín hiệu đèn ưu tiên được quy định như sau:  a) Xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy, xe của lực lượng quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe cứu thương đang làm nhiệm vụ cấp cứu có đèn nhấp nháy màu đỏ;  b) Xe của lực lượng công an, kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe Cảnh sát giao thông dẫn đường có đèn nhấp nháy màu xanh và đỏ; | **Điều 27. Xe ưu tiên**  3. Xe ưu tiên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này phải có tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật. Màu của tín hiệu đèn ưu tiên được quy định như sau:  a) Xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy~~, xe của lực lượng quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp~~, xe cứu thương đang làm nhiệm vụ cấp cứu có đèn nhấp nháy màu đỏ;  b) Xe của lực lượng công an, ***quân sự,*** kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe Cảnh sát giao thông dẫn đường có đèn nhấp nháy màu xanh và đỏ; | Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ: xe ưu tiên của lực lượng quân sự, công an, kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường có thứ tự ưu tiên như nhau khi qua đường giao nhau từ bất kỳ hướng nào tới. Như vậy, nếu quy định xe của lực lượng quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp có đèn nhấp nháy màu xanh và đỏthì sẽ bảo đảm thống nhất, đồng bộ về màu đèn tín hiệu ưu tiên của xe của lực lượng công an, quân sự, kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; đồng thời, phù hợp với thứ tự ưu tiên đối với xe của lực lượng quân sự, công an, kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường so với các loại xe ưu tiên khác. |
| **Điều 34. Phân loại phương tiện giao thông đường bộ**  4. Phương tiện giao thông thông minh là xe cơ giới cho phép tự động hóa một phần hoặc toàn bộ hoạt động điều khiển phương tiện, xác định lộ trình và xử lý tình huống khi tham gia giao thông đường bộ.  6. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Điều này; quy định dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường. | **Điều 34. Phân loại phương tiện giao thông đường bộ**  4. Phương tiện giao thông thông minh là xe cơ giới cho phép tự động hóa ~~một phần hoặc~~ toàn bộ hoạt động điều khiển phương tiện, xác định lộ trình và xử lý tình huống khi tham gia giao thông đường bộ.  6. Bộ trưởng ***Bộ Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ quy định chi tiết Điều này; quy định dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường. | 1. Cần bỏ quy định về tự động hóa một phần vì:  - Căn cứ quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 34, khoản 7 Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô QCVN 09:2024/BGTVT phù hợp với phân loại quốc tế ISO/SAE PAS 22736:2021 Phân loại và định nghĩa đối với các thuật ngữ liên quan đến hệ thống tự lái của xe cơ giới. Theo đó, phương tiện giao thông thông minh được chia làm 5 cấp độ gồm:  (1) Xe cơ giới cho phép tự động hóa một phần hoạt động điều khiển phương tiện, xác định lộ trình và xử lý tình huống khi tham gia giao thông đường bộ là các xe thuộc cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3 theo tiêu chuẩn ISO/SAE PAS 22736:2021 (sau đây viết tắt là xe cơ giới tự động hóa một phần).  (2) Xe cơ giới cho phép tự động hóa toàn bộ hoạt động điều khiển phương tiện, xác định lộ trình và xử lý tình huống khi tham gia giao thông đường bộ là các xe thuộc cấp độ 4, hoặc cấp độ 5 được phân loại và định nghĩa trong tiêu chuẩn ISO/SAE PAS 22736:2021 (sau đây viết tắt là xe cơ giới tự động hóa toàn bộ).  - Thực tế hiện nay rất nhiều xe ô tô con tầm trung, cao cấp nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam đã có chức năng hỗ trợ người lái đạt cấp độ 1 và tiệm cận cấp độ 2 theo tiêu chuẩn ISO/SAE PAS 22736:2021. Do đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ thì các xe này được xếp vào nhóm phương tiện giao thông thông minh và phải cấp phép hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 35.  (1) Đối với các xe cơ giới thuộc cấp độ 1, cấp độ 2, thậm chí là cấp độ 3 (tự lái có điều kiện): về cơ bản chỉ là chức năng hỗ trợ, trợ giúp người lái trong một số điều kiện, tình huống, phạm vi nhất định, không thể thay thế hoàn toàn được người lái, ví dụ như: chức năng tự động giữ làn đường, giữ khoảng cách, phanh khẩn cấp, cảnh báo hoặc không cho phép chuyển làn khi có xe vượt, tự động đỗ vào vị trí để xe... các chức năng này giúp người lái giảm căng thẳng, mệt mỏi khi chạy đường dài, giữ khoảng cách an toàn, phát hiện sớm các nguy cơ, phản ứng nhanh trước các tình huống nguy hiểm đột ngột... nên về cơ bản là giúp tăng khả năng an toàn của xe trong khi di chuyển trên đường. Các chức năng này có thể được kích hoạt hay không phụ thuộc vào quyết định của người lái. Qua đánh giá thực trạng hoạt động trên đường thì loại xe này phù hợp để hoạt động theo điều kiện giao thông của Việt Nam hiện nay. Vì vậy, không nhất thiết phải hạn chế, cấp phép hoạt động các xe loại này.  (2) Đối với các xe cơ giới thuộc cấp độ 4, cấp độ 5 (xe cơ giới tự động hóa toàn bộ): trên thế giới hiện nay chỉ có tại Trung Quốc thí điểm hoạt động xe taxi không người lái tại Vũ Hán, một số khu vực tại Trùng Khánh, Bắc Kinh, Thượng Hải nhưng vẫn trong giai đoạn đánh giá về độ an toàn, tin cậy, chưa phát triển đại trà được. Một số nước phát triển khác như Hoa Kỳ, EU mới thử nghiệm xe ô tô tự lái cấp độ 4 trong một phạm vi nhất định và vẫn phải yêu cầu có người lái hoặc người giám sát trên xe. Xét theo điều kiện giao thông của Việt Nam hiện nay thì loại xe cơ giới tự động hóa toàn bộ chưa phù hợp để hoạt động, có nguy cơ gây tai nạn cao, nên cần phải hạn chế, phải cấp phép hoạt động đối với các xe loại này (bao gồm cả các xe chạy thử nghiệm thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ).  2. Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 35. Điều kiện phương tiện tham gia giao thông đường bộ**  2. Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình. Xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương phải lắp thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe. | **Điều 35. Điều kiện phương tiện tham gia giao thông đường bộ**  2. Xe ô tô kinh doanh vận tải***,*** ~~phải lắp thiết bị giám sát hành trình. Xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải,~~ xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương***, xe vận tải nội bộ*** phải lắp thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe. ***Xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, hình ảnh khoang chở khách.*** | - Ngày 26/7/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg về tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ trong tình hình mới, trong đó xác định *“nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng mất trật tự, an toàn giao thông là do ý thức của người điều khiển phương tiện kinh doanh vận tải, bên cạnh đó còn có nguyên nhân liên quan đến công tác quản lý hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ”*; đồng thời, yêu cầu: (1) Bộ Giao thông vận tải *“thống nhất với Bộ Công an về mô hình quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình và camera giám sát trên xe kinh doanh vận tải để bảo đảm việc quản lý, giám sát theo thời gian thực, kịp thời đình chỉ hoạt động phương tiện vi phạm các quy định của pháp luật trong khi lưu thông, ngăn chặn nguy cơ mất an toàn giao thông”*, (2) Bộ Công an *“đẩy nhanh tiến độ ứng dụng khoa học công nghệ để khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera giám sát trên xe kinh doanh vận tải, thống nhất với Bộ Giao thông vận tải chuẩn bị phương án quản lý, khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera giám sát trên xe kinh doanh vận tải phù hợp với tiến độ triển khai* *Luật Đường bộ và* *Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ”*.  - Nghị quyết số 57-NQ/TW yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ số, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý nhà nước, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên tuyến giao thông.  - Qua 07 tháng triển khai thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, việc quản lý phương tiện kinh doanh vận tải thông qua thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra, cụ thể:  + Xe ô tô kinh doanh vận tải dưới 08 chỗ chưa phải lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe nên chưa quản lý, giám sát được lái xe có các hành vi vi phạm pháp luật như: không thắt dây an toàn, buông cả hai tay khỏi vô lăng, dùng chân điều khiển vô lăng, dùng tay sử dụng điện thoại, chạy quá tốc độ…, chưa thể cảnh báo được lái xe khi lái xe có dấu hiệu bất thường, có khả năng mất an toàn như: ngủ gật, không tập trung… tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ra tai nạn giao thông.  + Hiện tại, mặc dù ý thức của người tham gia giao thông đã được nâng lên rõ rệt, tai nạn giao thông đã giảm cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết và số người bị thương; tuy nhiên, 6 tháng đầu năm 2025 đã liên tiếp xảy ra các vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng liên quan đến các phương tiện kinh doanh vận tải (xảy ra 1.817 vụ tai nạn giao thông liên quan đến xe tải (chiếm 29%), làm chết 1.137 người, bị thương 890 người; 309 vụ tai nạn giao thông liên quan đến xe khách (chiếm 4,9%), làm chết 183 người, bị thương 233 người), trong đó nguyên nhân do đi không đúng phần đường, chiều đường, làn đường quy định (8,82%), không chú ý quan sát (11,59%), không chấp hành quy định tốc độ (2,52%), sử dụng rượu bia (1,01%), mệt mỏi ngủ gật (0,25%). Điển hình như các vụ tai nạn giao thông do xe ô tô khách kinh vận tải xảy ra tại các tỉnh Phú Yên, Sơn La, Hà Tĩnh, trong thời gian vừa qua.  - Về quy định xe vận tải nội bộ phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, đối tượng này về hình thức vận chuyển người, hàng hóa của chính đơn vị, doanh nghiệp của mình nhưng bản chất tham gia giao thông như các loại phương tiện kinh doanh vận tải khác, đồng thời các phương tiện vận chuyển người, hàng hóa này cũng là một nguồn nguy hiểm cao độ (chở nhiều người trên xe, xe vận chuyển hàng hóa lớn). Vì vậy, cần giám sát, quản lý người lái xe, quản lý hành trình để bảo đảm an toàn cho chính đối tượng này và các đối tượng khác tham gia giao thông đường bộ.  Do đó, việc bổ sung quy định xe kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; xe vận tải nội bộ phải lắp thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở hành khách là rất cần thiết, cấp bách, nhằm tạo cơ sở pháp lý phục vụ việc theo dõi, quản lý, giám sát, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật và hành vi gây mất an toàn đối với người điều khiển phương tiện kinh doanh vận tải, hành khách trên xe, ngăn ngừa, giảm thiểu tai nạn giao thông đường bộ nói chung và các vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng nói riêng do phương tiện này gây ra. Đồng thời, Bộ Công an phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan và lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động về quy định nêu trên. |
| **Điều 41. Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp**  7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới; quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này; quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên. | **Điều 41. Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp**  7. Bộ trưởng ***Bộ Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới; quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này; quy định về ***tiêu chuẩn, tập huấn*** ***đăng kiểm viên,*** cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên. | - Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy.  - Qua rà soát cho thấy hiện nay Luật Trật tự, An toàn giao thông đường bộ chỉ quy định giao Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên. Tuy nhiên chưa có quy định về tiêu chuẩn, tập huấn làm cơ sở cho việc đánh giá năng lực, khả năng chuyên môn của đăng kiểm viên làm cơ sở cho việc cấp, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên. Thực tế triển khai quy định này trong thời gian qua, Bộ trưởng Bộ BGTVT đã ban hành Thông tư số 45/2024/TT-BGTVT nhưng không thể quy định về tiêu chuẩn và tập huấn của đăng kiểm viên, do đó đã làm ảnh hưởng đến việc bổ sung lực lượng đăng kiểm viên có trình độ và chất lượng cho các cơ sở đăng kiểm. Vì vậy, cần phải bổ sung quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên để Bộ Xây dựng triển khai đồng bộ, tăng cường và nâng cao chất lượng của đội ngũ này cho hoạt động đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và phụ tùng xe cơ giới đáp ứng yêu cầu trong tình hình hiện nay. |
| **Điều 42. Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ**  5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung sau đây: | **Điều 42. Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ**  5. Bộ trưởng ***Bộ Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ quy định nội dung sau đây: | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 43. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng**  1. Cơ sở đăng kiểm là tổ chức cung cấp dịch vụ công thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được tổ chức, hoạt động theo quy định của Chính phủ.  Cơ sở đăng kiểm chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; từ chối kiểm định phương tiện vi phạm khi chủ phương tiện chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ. | **Điều 43. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng**  1. Cơ sở đăng kiểm là tổ chức cung cấp dịch vụ công thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được tổ chức, hoạt động theo quy định của Chính phủ.  Cơ sở đăng kiểm chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; từ chối kiểm định phương tiện ***theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng,*** ~~vi phạm~~ khi chủ phương tiện chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ***, có sự sai khác thông tin giữa chứng nhận đăng ký xe với biển số xe và phương tiện thực tế khi làm thủ tục kiểm định, chưa thực hiện cấp đổi chứng nhận đăng ký xe ở lần kiểm định tiếp theo sau khi phương tiện đã được cấp chứng nhận cải tạo.*** | Qua rà soát quy định tại Luật và thực tiễn hoạt động của các cơ sở đăng kiểm thời gian qua cho thấy việc chưa có quy định về trách nhiệm thực hiện chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo dẫn đến nhiều cơ sở đăng kiểm từ chối thực hiện dịch vụ này dẫn đến gây khó khăn, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, trong thực tiễn triển khai Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ cũng phát sinh một số trường hợp cần phải được quy định rõ ràng đối với việc từ chối kiểm định do chủ phương tiện có hành vi vi phạm quy định về trật tự, an toàn giao thông hoặc cần thực hiện theo yêu cầu của các cơ quan tố tụng nhằm giải quyết tranh chấp hoặc xác định trách nhiệm hình sự của chủ phương tiện cũng như đảm bảo sự liên thông, kết nối dữ liệu giữa cơ quan đăng ký xe với cơ quan đăng kiểm phương tiện để đảm bảo công tác quản lý nhà nước đối với phương tiện được đồng bộ, chặt chẽ hơn. Bên cạnh đó, việc bổ sung quy định này nhằm làm rõ và minh bạch hoạt động kiểm định phương tiện. Vì vậy, việc bổ sung các trường hợp từ chối kiểm định là rất cần thiết. |
| **Điều 49. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa**  1. Khi vận chuyển hàng hoá bằng xe ô tô, người lái xe phải thực hiện các quy định sau đây:  d) Hàng hóa vận chuyển trên xe phải được sắp xếp gọn gàng, chằng buộc chắc chắn, bảo đảm an toàn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; | **Điều 49. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa**  1. Khi vận chuyển hàng hoá bằng xe ô tô, người lái xe phải thực hiện các quy định sau đây:  d) Hàng hóa vận chuyển trên xe phải được sắp xếp gọn gàng, chằng buộc chắc chắn, bảo đảm an toàn theo quy định của Bộ trưởng ***Bộ Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 52. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ**  9. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết điểm b khoản 3 Điều này; quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; quy định lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích. | **Điều 52. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ**  9. Bộ trưởng ***Bộ Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ quy định chi tiết điểm b khoản 3***, điểm a khoản 4*** Điều này; quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; quy định lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy; đồng thời, bảo đảm đầy đủ, thống nhất với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 Luật này. |
| **Điều 53. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng**  7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về hàng siêu trường, siêu trọng; quy định việc vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và việc cấp giấy phép lưu hành xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ. | **Điều 53. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng**  7. Bộ trưởng ***Bộ Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ quy định cụ thể về hàng siêu trường, siêu trọng; quy định việc vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và việc cấp giấy phép lưu hành xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 57. Giấy phép lái xe**  9. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mẫu giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế, trình tự, thủ tục cấp và việc sử dụng giấy phép lái xe, giấy phép lái xe quốc tế; đối với mẫu giấy phép lái xe, trình tự, thủ tục cấp và việc sử dụng giấy phép lái xe của lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định. | **Điều 57. Giấy phép lái xe**  9. Bộ trưởng ***Bộ Công an*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ quy định mẫu giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế, trình tự, thủ tục cấp và việc sử dụng giấy phép lái xe, giấy phép lái xe quốc tế; đối với mẫu giấy phép lái xe, trình tự, thủ tục cấp và việc sử dụng giấy phép lái xe của lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 60. Đào tạo lái xe**  3. Việc đào tạo để nâng hạng giấy phép lái xe thực hiện đối với những đối tượng sau đây:  e) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng B lên hạng BE, từ hạng C1 lên  hạng C1E, từ hạng C lên hạng CE, từ hạng D1 lên hạng D1E, từ hạng D2 lên hạng D2E, từ hạng D lên hạng DE.  7. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức đào tạo lái xe khác quy định tại khoản 2 Điều này; quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái; quy định tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe; quy định việc cấp, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; quy định việc cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép đào tạo lái xe.  8. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, chương trình đào tạo lái xe, thời gian lái xe an toàn cho từng hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 4 Điều này và quy định tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo lái xe mô tô; đối với cơ sở đào tạo, tổ chức đào tạo lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định. | **Điều 60. Đào tạo lái xe**  3. Việc đào tạo để nâng hạng giấy phép lái xe thực hiện đối với những đối tượng sau đây:  e) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng B lên hạng BE, từ hạng C1 lên hạng C1E, từ hạng C, ***D1, D2, D*** lên hạng CE, từ hạng D1 lên hạng D1E, từ hạng D2 lên hạng D2E, từ hạng D lên hạng DE.”  7. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức đào tạo lái xe khác quy định tại khoản 2 Điều này; quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái; quy định tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe; quy định việc cấp, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; quy định việc cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép đào tạo lái xe.  ***Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định các hình thức đào tạo lái xe khác; quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái; quy định tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe; quy định việc cấp, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; quy định việc cấp, cấp lại và thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe cho các cơ sở đào tạo lái xe trong lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh*.**  8. Bộ trưởng ***Bộ Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ quy định hình thức, nội dung, chương trình đào tạo lái xe, thời gian lái xe an toàn cho từng hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 4 Điều này và quy định tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo lái xe mô tô; đối với cơ sở đào tạo, tổ chức đào tạo lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định. | - Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy.  - Quy định hiện hành chưa cho phép người có giấy phép lái xe hạng cao hơn hạng C (D1, D2 và D) nâng hạng lên giấy phép lái xe hạng CE. Đồng thời, theo quy định tại điểm g, h, i khoản 1 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, hạng D1, D2 và D đều được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng C. Theo đó, việc nâng hạng lên CE từ các hạng D1, D2 và D là phù hợp.  - Để loại trừ phạm vi điều chỉnh đối với lực lượng Công an và Quân đội trong Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, do đây là đặc thù riêng của lực lượng Công an và Quân đội trong đào tạo cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng quốc phòng, an ninh, không phụ thuộc vào hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Chính phủ. |
| **Điều 61. Sát hạch lái xe**  4. Trung tâm sát hạch lái xe là đơn vị cung cấp dịch vụ sát hạch lái xe; phải đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; phải sử dụng thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin và phải chia sẻ ngay kết quả và dữ liệu giám sát quá trình sát hạch đến cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, cơ quan quản lý về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để giám sát.  6. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.  7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe; điều kiện, tiêu chuẩn sát hạch viên, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên; tiêu chuẩn kỹ thuật sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; đối với sát hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định. | **Điều 61. Sát hạch lái xe**  4. Trung tâm sát hạch lái xe là đơn vị cung cấp dịch vụ sát hạch lái xe; phải đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; phải sử dụng thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin và phải chia sẻ ngay kết quả và dữ liệu giám sát quá trình sát hạch đến cơ quan quản lý ~~đào tạo,~~ sát hạch, cấp giấy phép lái xe~~, cơ quan quản lý về trật tự, an toàn giao thông đường bộ~~ để giám sát***, trừ khi tổ chức sát hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh***.  6. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.  ***Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định điều kiện, trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi Quyết định công nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.***  7. Bộ trưởng ***Bộ Công an*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~quy định hình thức, nội dung, quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe; điều kiện, tiêu chuẩn sát hạch viên, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên; tiêu chuẩn kỹ thuật sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; đối với sát hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định.”. | - Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy.  - Để loại trừ phạm vi điều chỉnh đối với lực lượng Công an và Quân đội trong Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, do đây là đặc thù riêng của lực lượng Công an và Quân đội trong đào tạo cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng quốc phòng, an ninh, không phụ thuộc vào hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Chính phủ. |
| **Điều 62. Cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe**  5. Giấy phép lái xe bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:  b) Giấy phép lái xe được cấp sai quy định;  6. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục về cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.  7. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có giấy phép lái xe quy định tại các điểm d, e, g, h, i, k, l, m và n khoản 3 Điều 89 của Luật này. | **Điều 62. Cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe**  5. Giấy phép lái xe bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:  b) Giấy phép lái xe được cấp sai quy định ***hoặc người được cấp có hành vi gian dối để được cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe***;”;  6. Bộ trưởng ***Bộ Công an*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục về cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe.  ***Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.***  ***Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có giấy phép lái xe quy định tại các điểm d, e, g, h, i, k, l, m và n khoản 3 Điều 89 của Luật này.***  ~~7. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có giấy phép lái xe quy định tại các điểm d, e, g, h, i, k, l, m và n khoản 3 Điều 89 của Luật này.~~ | - Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy.  - Để đảm bảo quản lý chặt chẽ đối với việc cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe do những năm gần đây, việc mua bán giấy phép lái xe diễn ra phổ biến và có hiện tượng sử dụng giấy phép lái xe giả để đổi, cấp lại giấy phép lái xe. |
| **Điều 63. Đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng**  4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; việc kiểm tra và thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. | **Điều 63. Đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng**  4. Bộ trưởng ***Bộ Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tả~~i quy định hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; việc kiểm tra và thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 64. Thời gian làm việc của người lái xe ô tô kinh doanh vận tải và vận tải nội bộ**  1. Thời gian lái xe của người lái xe ô tô không quá 10 giờ trong một ngày và không quá 48 giờ trong một tuần; lái xe liên tục không quá 04 giờ và bảo đảm các quy định có liên quan của Bộ luật Lao động. | **Điều 64. Thời gian làm việc của người lái xe ô tô kinh doanh vận tải và vận tải nội bộ**  1. Thời gian lái xe ***liên tục*** của người lái xe ~~ô tô không quá 10 giờ trong một ngày và không quá 48 giờ trong một tuần; lái xe liên tục~~ không quá 04 giờ***.*** ~~và bảo đảm các quy định có liên quan của Bộ luật Lao động.~~***Thời gian làm việc của người lái xe trong một ngày, một tuần thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.*** | - Tiếp thu kiến nghị của Hiệp hội vận tải và doanh nghiệp kinh doanh vận tải, theo đó, việc quy định thời gian lái xe trong tuần, thời gian lái xe liên tục của Luật Trật tự, an toàn giao thông là chưa phù hợp với quy định chung của một số nước trong khu vực và gây khó khăn cho hoạt động vận tải, bố trí lái xe của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu theo quy định của Luật.  - Từ “thời gian” đang dùng ổn định từ Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và tiếp tục được sử dụng tại Luật Trật tự, an toàn giao thông năm 2024, quá trình thực hiện không có khó khăn, vướng mắc. |
| **Điều 67. Biện pháp phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**  3. Khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; tiếp nhận dữ liệu thu thập từ công trình kiểm soát tải trọng xe. | **Điều 67. Biện pháp phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**  3. Khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe***, hình ảnh khoang chở khách***; tiếp nhận dữ liệu thu thập từ công trình kiểm soát tải trọng xe. | Để thống nhất về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 Luật này. |
| **Điều 71. Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới**  1. Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ được quy định như sau:  a) Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ là hệ thống thu thập tín hiệu, dữ liệu, âm thanh, hình ảnh về hành trình của phương tiện tham gia giao thông đường bộ, tình trạng giao thông và các dữ liệu liên quan khác được xây dựng, lắp đặt trên các tuyến giao thông đường bộ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để giám sát tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;  b) Việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải tuân thủ đúng quy trình, quy tắc, bảo đảm hoạt động liên tục và kết nối với Trung tâm chỉ huy giao thông;  c) Dữ liệu thu thập được từ hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được quản lý theo quy định của pháp luật; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức; được sử dụng để xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật khác và phục vụ công tác quản lý nhà nước.  2. Hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe dùng để ghi, lưu trữ, truyền phát thông tin, dữ liệu về hành trình của phương tiện tham gia giao thông đường bộ và hình ảnh của người lái xe, phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ và xử lý hành vi vi phạm pháp luật, quản lý nhà nước về vận tải đường bộ; do lực lượng Cảnh sát giao thông quản lý, vận hành, sử dụng; được kết nối, chia sẻ với cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan liên quan.  3. Hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới được trang bị cho lực lượng Cảnh sát giao thông để phục vụ kiểm tra, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tải trọng xe trên đường bộ.  4. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; quy định việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ; quy định việc quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; quy định việc trang bị, lắp đặt, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới. | **Điều 71. Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình*,* ~~và~~ thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe*,* *hình ảnh khoang chở khách*; hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới**  1. Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ được quy định như sau:  a) Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ là hệ thống thu thập tín hiệu, dữ liệu, âm thanh, hình ảnh về hành trình của phương tiện tham gia giao thông đường bộ, tình trạng giao thông và các dữ liệu liên quan khác được xây dựng, lắp đặt trên các tuyến giao thông đường bộ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để giám sát tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;  b) Việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải tuân thủ đúng quy trình, quy tắc, bảo đảm hoạt động liên tục và kết nối với Trung tâm chỉ huy giao thông;  c) Dữ liệu thu thập được từ hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được quản lý theo quy định của pháp luật; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức; được sử dụng để xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật khác và phục vụ công tác quản lý nhà nước.  2. Hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình*,* ~~và~~ thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, ***hình ảnh khoang chở khách*** dùng để ghi, lưu trữ, truyền phát thông tin, dữ liệu về hành trình của phương tiện tham gia giao thông đường bộ và hình ảnh của người lái xe*,* ***hình ảnh khoang chở khách*** phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ và xử lý hành vi vi phạm pháp luật, quản lý nhà nước về vận tải đường bộ; do lực lượng Cảnh sát giao thông quản lý, vận hành, sử dụng; được kết nối, chia sẻ với cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan liên quan.  3. Hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới được trang bị cho lực lượng Cảnh sát giao thông để phục vụ kiểm tra, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tải trọng xe trên đường bộ.  4. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình*,* ~~và~~ thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe***,* *hình ảnh khoang chở khách***; quy định việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ; quy định việc quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình*,* ~~và~~ thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe***,* *hình ảnh khoang chở khách***; quy định việc trang bị, lắp đặt, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới.”. | Để thống nhất về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 Luật này. |
| **Điều 75. Trung tâm chỉ huy giao thông**  4. Trung tâm chỉ huy giao thông được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành và các hệ thống, cơ sở dữ liệu sau đây:  c) Hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; | **Điều 75. Trung tâm chỉ huy giao thông**  4. Trung tâm chỉ huy giao thông được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành và các hệ thống, cơ sở dữ liệu sau đây:  c) Hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình*,* ~~và~~ thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe***,* *hình ảnh khoang chở khách***; | Để thống nhất về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 Luật này. |
| **Điều 87. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**  2. Bộ Công an là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; xây dựng lực lượng Cảnh sát giao thông chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.  3. Bộ Giao thông vận tải thực hiện quản lý nhà nước về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới và nhiệm vụ quản lý khác theo quy định của Luật này; ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị an toàn cho trẻ em quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật này. | **Điều 87. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**  2. Bộ Công an là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; ***sát hạch, cấp giấy phép lái xe;*** xây dựng lực lượng Cảnh sát giao thông chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.  3. ***Bộ*** ***Xây dựng*** ~~Bộ Giao thông vận tải~~ thực hiện quản lý nhà nước về đào tạo~~, sát hạch, cấp giấy phép~~ lái xe; chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới và nhiệm vụ quản lý khác theo quy định của Luật này; ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị an toàn cho trẻ em quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **8. LUẬT ĐƯỜNG BỘ** | | |
| **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  6. *Cơ quan quản lý đường bộ* là cơ quan thuộc Bộ Giao thông vận tải giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã. | **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  6. *Cơ quan quản lý đường bộ* là cơ quan thuộc Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ giúp Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; ~~cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;~~ Ủy ban nhân dân cấp xã. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 5. Quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ**  1. Quy hoạch mạng lưới đường bộ được quy định như sau:  c) Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập quy hoạch mạng lưới đường bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.  2. Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ được quy định như sau:  c) Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. | **Điều 5. Quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ**  1. Quy hoạch mạng lưới đường bộ được quy định như sau:  c) Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ tổ chức lập***, phê duyệt*** quy hoạch mạng lưới đường bộ ~~trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt~~.  2. Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ được quy định như sau:  c) Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ tổ chức lập***, phê duyệt*** quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ ~~trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt~~. | - Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy; bảo đảm phân cấp, phân quyền từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Xây dựng theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. |
| **Điều 8. Phân loại đường bộ theo cấp quản lý**  1. Đường bộ theo cấp quản lý bao gồm: quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường thôn, đường đô thị, đường chuyên dùng và được xác định như sau:  a) Quốc lộ là đường nối liền Thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường nối liền các trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng, khu vực;  b) Đường tỉnh là đường nằm trong địa bàn một tỉnh nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;  c) Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện;  d) Đường xã là đường nối trung tâm hành chính của xã với thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi là thôn) và điểm dân cư nông thôn hoặc đường nối với xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã;  đ) Đường thôn là đường trong khu vực thôn, đường trục nối thôn với khu vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh khác trên địa bàn thôn;  e) Đường đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị, bao gồm: đường cao tốc đô thị, đường phố, đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị;  g) Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ giao thông cho một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân và đường nội bộ.  2. Đường địa phương bao gồm: đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn.  3. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý quốc lộ, trừ quốc lộ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này và đường gom, đường bên quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.  4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý các loại đường sau đây:  a) Quản lý đường tỉnh, quốc lộ đi qua đô thị loại đặc biệt; quốc lộ khi được phân cấp; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng tuyến tránh thay thế phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ không còn trong quy hoạch mạng lưới đường bộ, trừ trường hợp quốc lộ có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm quốc phòng, an ninh; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ được Thủ tướng Chính phủ giao trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, khả năng bố trí nguồn lực của địa phương; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã được điều chuyển tài sản về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;  b) Quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn;  c) Quản lý đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ.  5. Người quản lý, sử dụng đường bộ đối với đường chuyên dùng có trách nhiệm quản lý đường chuyên dùng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.  6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | **Điều 8. Phân loại đường bộ theo cấp quản lý**  1. Đường bộ theo cấp quản lý bao gồm: quốc lộ, đường tỉnh, ~~đường huyện,~~ đường xã, đường thôn, đường đô thị, đường chuyên dùng và được xác định như sau:  a) Quốc lộ là đường nối liền Thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường nối liền các trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng, khu vực;  b) Đường tỉnh là đường nằm trong địa bàn một tỉnh nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của ***cấp*** ***xã*** ~~huyện;~~ đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;  ~~c) Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện;~~  ***c***~~d~~) Đường xã là đường nối trung tâm hành chính của xã với thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi là thôn) và điểm dân cư nông thôn hoặc đường nối với xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã;  ***d***~~đ~~) Đường thôn là đường trong khu vực thôn, đường trục nối thôn với khu vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh khác trên địa bàn thôn;  ***đ***~~e~~) Đường đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị, bao gồm: đường cao tốc đô thị, đường phố, đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị;  ***e***~~g~~) Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ giao thông cho một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân và đường nội bộ.  2. Đường địa phương bao gồm: đường tỉnh, đường đô thị, ~~đường huyện,~~ đường xã, đường thôn.  3. Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ có trách nhiệm quản lý quốc lộ, trừ quốc lộ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này và đường gom, đường bên quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.  4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý các loại đường sau đây:  a) Quản lý đường tỉnh, quốc lộ đi qua đô thị loại đặc biệt; quốc lộ khi được phân cấp; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng tuyến tránh thay thế phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ không còn trong quy hoạch mạng lưới đường bộ, trừ trường hợp quốc lộ có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm quốc phòng, an ninh; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ được ***Bộ trưởng Bộ Xây dựng*** ~~Thủ tướng Chính phủ~~ giao trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, khả năng bố trí nguồn lực của địa phương; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã được điều chuyển tài sản về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;  b) Quy định việc quản lý đường đô thị, ~~đường huyện,~~ đường xã, đường thôn;  c) Quản lý đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ.  5. Người quản lý, sử dụng đường bộ đối với đường chuyên dùng có trách nhiệm quản lý đường chuyên dùng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.  6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”. | - Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy.  - Cần phân cấp thẩm quyền giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý tuyến, đoạn tuyến quốc lộ của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng để phù hợp với nội dung phân quyền quy định tại Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. |
| **Điều 10. Cấp kỹ thuật của đường bộ**  3. Cấp kỹ thuật của đường bộ quy định tại các điểm a, b và d khoản 2 Điều này thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành và tiêu chuẩn kỹ thuật do cấp có thẩm quyền công bố.  4. Cấp kỹ thuật của đường bộ quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và tiêu chuẩn kỹ thuật do cấp có thẩm quyền công bố. | **Điều 10. Cấp kỹ thuật của đường bộ**  3. Cấp kỹ thuật của đường bộ quy định tại ~~các điểm a, b và d~~ khoản 2 Điều này thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ ban hành và tiêu chuẩn kỹ thuật do cấp có thẩm quyền công bố.  ~~4. Cấp kỹ thuật của đường bộ quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và tiêu chuẩn kỹ thuật do cấp có thẩm quyền công bố.~~ | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 12. Quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ**  1. Quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác có liên quan. | **Điều 12. Quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ**  1. Quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh~~; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện~~ và các quy hoạch khác có liên quan. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 21. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ**  3. Trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định như sau:  a) Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý, trừ quy định tại điểm b khoản này; | **Điều 21. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ**  3. Trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định như sau:  a) Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý, trừ quy định tại điểm b khoản này; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 25. Tổ chức giao thông**  5. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm tổ chức giao thông trên các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý. | **Điều 25. Tổ chức giao thông**  5. Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm tổ chức giao thông trên các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 26. Tốc độ thiết kế, tốc độ khai thác và khoảng cách giữa các xe**  5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Điều này. | **Điều 26. Tốc độ thiết kế, tốc độ khai thác và khoảng cách giữa các xe**  5. Bộ trưởng ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quy định chi tiết Điều này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 27. Tải trọng và khổ giới hạn của đường bộ**  3. Trách nhiệm công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ được quy định như sau:  a) Bộ Giao thông vận tải công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý;  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý và đường chuyên dùng quy định tại điểm c khoản này trên địa bàn;  c) Người quản lý, sử dụng đường bộ đối với đường chuyên dùng có hoạt động giao thông công cộng có trách nhiệm cung cấp thông tin về tải trọng, khổ giới hạn của đường chuyên dùng để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố; | **Điều 27. Tải trọng và khổ giới hạn của đường bộ**  3. Trách nhiệm công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ được quy định như sau:  a) ***Cơ quan quản lý đường bộ thuộc Bộ Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý ***của******Bộ Xây dựng***;  b) ***Cơ quan chuyên môn thuộc*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý và đường chuyên dùng quy định tại điểm c khoản này trên địa bàn;  c) Người quản lý, sử dụng đường bộ đối với đường chuyên dùng có hoạt động giao thông công cộng có trách nhiệm cung cấp thông tin về tải trọng, khổ giới hạn của đường chuyên dùng để ***cơ quan chuyên môn thuộc*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy; phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền. |
| **Điều 28. Đầu tư, xây dựng công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ**  3. Bộ Giao thông vận tải đầu tư tuyến, đoạn tuyến quốc lộ và các công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan. | **Điều 28. Đầu tư, xây dựng công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ**  3. Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ đầu tư tuyến, đoạn tuyến quốc lộ và các công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 29. Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ**  1. Đường bộ được thẩm tra, thẩm định về an toàn giao thông trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; trước khi đưa công trình đường bộ vào khai thác và trong quá trình khai thác công trình đường bộ.  Trong giai đoạn lập dự án đầu tư, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, việc thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông được thực hiện cùng với công tác thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng. | **Điều 29. Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ**  1. Đường bộ được thẩm tra, thẩm định về an toàn giao thông trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; trước khi đưa công trình đường bộ vào khai thác và trong quá trình khai thác công trình đường bộ, ***trừ đường bộ có cấp kỹ thuật theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 của Luật này, đường phố gom, đường nội bộ đô thị.***  Trong giai đoạn lập dự án đầu tư, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, việc thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông được thực hiện cùng với công tác thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng. | Để giải quyết các vấn đề cấp bách, khó khăn vướng mắc do quy định của pháp luật đã được các địa phương, rà soát, đề nghị theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Quốc gia.  Nội dung vướng mắc: theo quy định hiện nay, tất cả các loại đều phải thực hiện thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông bao gồm các đường có cấp kỹ thuật thấp, đường ngõ, ngách, hẻm kiệt (đường nội bộ đô thị) là chưa hợp lý, đề nghị quy định loại trừ đường bộ làm cơ sở triển khai thực hiện. |
| **Điều 30. Kết nối giao thông đường bộ**  4. Trách nhiệm xây dựng đường nhánh, đường gom, đường bên kết nối với đường chính trong từng địa bàn, khu vực được quy định như sau:  b) Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các cấp đầu tư, xây dựng, nâng cấp, mở rộng, cải tạo đường bộ thuộc phạm vi quản lý kết nối giao thông thuận lợi đến các cảng hàng không, cảng biển, cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, ga đường sắt.  5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường quốc lộ đang khai thác; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác. | **Điều 30. Kết nối giao thông đường bộ**  4. Trách nhiệm xây dựng đường nhánh, đường gom, đường bên kết nối với đường chính trong từng địa bàn, khu vực được quy định như sau:  b) Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~, Ủy ban nhân dân các cấp đầu tư, xây dựng, nâng cấp, mở rộng, cải tạo đường bộ thuộc phạm vi quản lý kết nối giao thông thuận lợi đến các cảng hàng không, cảng biển, cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, ga đường sắt.  5. Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường quốc lộ đang khai thác; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 32. Thi công công trình trên đường bộ đang khai thác**  3. Các trường hợp thi công trên đường bộ đang khai thác không phải cấp giấy phép thi công bao gồm:  b) Thi công trong phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ đối với dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư; dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư trên các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý;  7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác; trách nhiệm cung cấp thông tin và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an toàn khi thi công. | **Điều 32. Thi công công trình trên đường bộ đang khai thác**  3. Các trường hợp thi công trên đường bộ đang khai thác không phải cấp giấy phép thi công bao gồm:  b) Thi công trong phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ đối với dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư; dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ do Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư trên các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý;  7. Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác; trách nhiệm cung cấp thông tin và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an toàn khi thi công. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 35. Bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ**  8. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Điều này. | **Điều 35. Bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ**  8. Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quy định chi tiết Điều này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 36. Quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ**  3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Điều này. | **Điều 36. Quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ**  3. Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quy định chi tiết Điều này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 37. Trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ**  1. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật này và kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý. | **Điều 37. Trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ**  1. Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ có trách nhiệm tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật này và kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 38. Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ**  2. Việc thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đối với các tuyến đường đã đưa vào khai thác, sử dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quy định khác của pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:  a) Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý;  3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Điều này. | **Điều 38. Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ**  2. Việc thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đối với các tuyến đường đã đưa vào khai thác, sử dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quy định khác của pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:  a) Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý;  3. Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quy định chi tiết Điều này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 39. Bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, trạm thu phí đường bộ, công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ**  1. Bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ được quy định như sau:  a) Bến xe phải được xây dựng tại các đô thị là trung tâm hành chính cấp huyện trở lên và các khu vực cần thiết khác để phục vụ vận tải hành khách công cộng;  b) Bãi đỗ xe được xây dựng phù hợp với nhu cầu đỗ xe tại các khu vực trong đô thị, ngoại ô thành phố, thị xã, đường có lưu lượng vận tải lớn và các khu vực khác khi cần thiết để phục vụ đỗ xe, trông giữ xe. Bãi đỗ xe gồm: bãi đỗ xe tải; bãi đỗ xe khách, xe con; bãi đỗ xe dùng cho nhiều loại xe;  c) Bến xe được đầu tư, xây dựng đáp ứng yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. Đối với bãi đỗ xe đô thị thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;  d) Trạm dừng nghỉ phải xây dựng ngoài phạm vi hành lang an toàn đường bộ, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành;  4. Công trình kiểm soát tải trọng xe được quy định như sau:  a) Công trình kiểm soát tải trọng xe để xác định tải trọng trục xe, khối lượng toàn bộ của xe tham gia giao thông trên đường bộ, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành;  b) Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vị trí xây dựng, lắp đặt công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thuộc phạm vi quản lý;  5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, trạm thu phí đường bộ, công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác. | **Điều 39. Bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, trạm thu phí đường bộ, công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ**  1. Bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ được quy định như sau:  a) Bến xe phải được xây dựng tại các đô thị là trung tâm hành chính cấp ***xã*** ~~huyện~~ trở lên và các khu vực cần thiết khác để phục vụ vận tải hành khách công cộng;  b) Bãi đỗ xe được xây dựng phù hợp với nhu cầu đỗ xe tại các khu vực trong đô thị, ngoại ô thành phố, ~~thị xã,~~ đường có lưu lượng vận tải lớn và các khu vực khác khi cần thiết để phục vụ đỗ xe, trông giữ xe. Bãi đỗ xe gồm: bãi đỗ xe tải; bãi đỗ xe khách, xe con; bãi đỗ xe dùng cho nhiều loại xe;  c) Bến xe được đầu tư, xây dựng đáp ứng yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ ban hành. Đối với bãi đỗ xe đô thị thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;  d) Trạm dừng nghỉ phải xây dựng ngoài phạm vi hành lang an toàn đường bộ, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ ban hành;  4. Công trình kiểm soát tải trọng xe được quy định như sau:  a) Công trình kiểm soát tải trọng xe để xác định tải trọng trục xe, khối lượng toàn bộ của xe tham gia giao thông trên đường bộ, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ ban hành;  b) Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vị trí xây dựng, lắp đặt công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thuộc phạm vi quản lý;  5. Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quy định về hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, trạm thu phí đường bộ, công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 49. Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc**  Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức khác thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc theo quy định tại Chương II của Luật này và các quy định sau đây: | **Điều 49. Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc**  Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức khác thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc theo quy định tại Chương II của Luật này và các quy định sau đây: | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 52. Trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, đỗ xe**  1. Trạm dừng nghỉ được xây dựng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành và tiêu chuẩn kỹ thuật do cấp có thẩm quyền công bố để phục vụ khai thác đồng bộ với công trình đường cao tốc, cung cấp các dịch vụ cho người tham gia giao thông đường bộ, hỗ trợ công tác cứu nạn, cứu hộ, sửa chữa, cung cấp nhiên liệu, năng lượng cho phương tiện tham gia giao thông đường bộ.  5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết khoản 3 và khoản 4 Điều này. | **Điều 52. Trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, đỗ xe**  1. Trạm dừng nghỉ được xây dựng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ ban hành và tiêu chuẩn kỹ thuật do cấp có thẩm quyền công bố để phục vụ khai thác đồng bộ với công trình đường cao tốc, cung cấp các dịch vụ cho người tham gia giao thông đường bộ, hỗ trợ công tác cứu nạn, cứu hộ, sửa chữa, cung cấp nhiên liệu, năng lượng cho phương tiện tham gia giao thông đường bộ.  5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này. Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quy định chi tiết khoản 3 và khoản 4 Điều này. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 57. Vận tải hành khách bằng xe ô tô**  3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô. | **Điều 57. Vận tải hành khách bằng xe ô tô**  3. Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 61. Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô**  4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô. | **Điều 61. Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô**  4. Bộ trưởng Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 82. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ**  2. Bộ Giao thông vận tải là cơ quan chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ.  3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ. | **Điều 82. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ**  2. Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ là cơ quan chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ.  3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 83. Thanh tra đường bộ**  Thanh tra đường bộ có nhiệm vụ sau đây:  1. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về kết cấu hạ tầng đường bộ; vận tải đường bộ tại đơn vị vận tải, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, đơn vị thực hiện dịch vụ hỗ trợ vận tải;  2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lối xe cơ giới đường bộ, hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, trừ hoạt động đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe của lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;  3. Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan. | **~~Điều 83. Thanh tra đường bộ~~**  ~~Thanh tra đường bộ có nhiệm vụ sau đây:~~  ~~1. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về kết cấu hạ tầng đường bộ; vận tải đường bộ tại đơn vị vận tải, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, đơn vị thực hiện dịch vụ hỗ trợ vận tải;~~  ~~2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lối xe cơ giới đường bộ, hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, trừ hoạt động đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe của lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;~~  ~~3. Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan.~~ | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 84. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan**  1. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.1, bổ sung điểm 1.1a vào sau điểm 1.1, tiểu mục 1 thuộc phần V- Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15 và Luật số 24/2023/QH15 như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1.1 | Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô | Chính phủ | | 1.1a | Phí sử dụng đường bộ cao tốc đối với phương tiện lưu thông trên đường bộ cao tốc thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác | Chính phủ đối với đường bộ cao tốc do Bộ Giao thông vận tải quản lý; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với đường bộ cao tốc do địa phương quản lý | | **Điều 84. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan**  1. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.1, bổ sung điểm 1.1a vào sau điểm 1.1, tiểu mục 1 thuộc phần V- Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15 và Luật số 24/2023/QH15 như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1.1 | Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô | Chính phủ | | 1.1a | Phí sử dụng đường bộ cao tốc đối với phương tiện lưu thông trên đường bộ cao tốc thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác | Chính phủ đối với đường bộ cao tốc do Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ quản lý; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với đường bộ cao tốc do địa phương quản lý | | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **9.** **LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ** | | |
| **Điều 14. Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để chào hàng, giới thiệu, triển lãm, trưng bày sản phẩm hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật**  3. Thủ tục cấp giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  b) Văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | **Điều 14. Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để chào hàng, giới thiệu, triển lãm, trưng bày sản phẩm hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật**  3. Thủ tục cấp giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  b) Văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 19. Loại vũ khí quân dụng trang bị cho Cơ yếu, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm lâm, Kiểm ngư, An ninh hàng không, Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan**  4. Trường hợp cần thiết phải trang bị loại vũ khí quân dụng ngoài quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này do Thủ tướng Chính phủ quyết định. | **Điều 19. Loại vũ khí quân dụng trang bị cho Cơ yếu, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm lâm, Kiểm ngư, An ninh hàng không, Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan**  4. Trường hợp cần thiết phải trang bị loại vũ khí quân dụng ngoài quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này do ***Bộ trưởng Bộ Công an*** ~~Thủ tướng Chính phủ~~ quyết định. | Để bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng và Chính phủ về việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền *“Giao cho các Bộ trưởng, trưởng ngành quyết định và chịu trách nhiệm về lĩnh vực thuộc bộ, ngành phụ trách”.* |
| **Điều 25. Thủ tục trang bị vũ khí thể thao**  1. Thủ tục trang bị vũ khí thể thao đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  b) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | **Điều 25. Thủ tục trang bị vũ khí thể thao**  1. Thủ tục trang bị vũ khí thể thao đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  b) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 26*.* Thủ tục cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao**  1. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  c) Hồ sơ, văn bản quy định tại điểm a và điểm b khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | **Điều 26*.* Thủ tục cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao**  1. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  c) Hồ sơ, văn bản quy định tại điểm a và điểm b khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 31. Khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo**  2. Thủ tục khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo thực hiện như sau:  b) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc nộp tại Công an xã, phường, thị trấn nơi đặt trụ sở hoặc nơi cư trú;  c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an xã, phường, thị trấn phải thông báo xác nhận khai báo vũ khí cho tổ chức, cá nhân sở hữu. | **Điều 31. Khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo**  2. Thủ tục khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo thực hiện như sau:  b) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc nộp tại Công an xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn~~ nơi đặt trụ sở hoặc nơi cư trú;  c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an xã, phường, ***đặc khu*** ~~thị trấn~~ phải thông báo xác nhận khai báo vũ khí cho tổ chức, cá nhân sở hữu. | - Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy.  - Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 50*.* Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ**  3. Hồ sơ, văn bản đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ. | **Điều 50*.* Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ**  3. Hồ sơ, văn bản đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ. | Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 51*.* Thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu công cụ hỗ trợ**  2. Văn bản đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ. | **Điều 51*.* Thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu công cụ hỗ trợ**  2. Văn bản đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ. | Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 53. Thủ tục trang bị công cụ hỗ trợ**  1. Thủ tục trang bị công cụ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  b) Hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | **Điều 53. Thủ tục trang bị công cụ hỗ trợ**  1. Thủ tục trang bị công cụ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  b) Hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 54. Thủ tục cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ**  2. Văn bản đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ. | **Điều 54. Thủ tục cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ**  2. Văn bản đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,***  Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ. | Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 55. Cấp giấy phép sử dụng, đăng ký, khai báo công cụ hỗ trợ**  2. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:  c) Hồ sơ, văn bản đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | **Điều 55. Cấp giấy phép sử dụng, đăng ký, khai báo công cụ hỗ trợ**  2. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:  c) Hồ sơ, văn bản đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 56. Vận chuyển công cụ hỗ trợ**  2. Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  b) Văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | **Điều 56. Vận chuyển công cụ hỗ trợ**  2. Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  b) Văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 57*.* Thủ tục cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ**  1. Thủ tục cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  b) Văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | **Điều 57*.* Thủ tục cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ**  1. Thủ tục cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện như sau:  b) Văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ***Ứng dụng định danh quốc gia,*** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; | Cần bổ sung trong dự thảo Luật hình thức tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia để thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong thực hiện các thủ tục hành chính. |
| **Điều 62. Tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ**  1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ phải nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.  Hồ sơ bao gồm: văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do, mục đích, yêu cầu tìm kiếm, phạm vi, địa điểm tìm kiếm; bản sao tài liệu chứng minh việc sử dụng, quản lý hoặc thi công công trình hợp pháp tại địa điểm đề nghị tìm kiếm.  Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.  2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ phải đề nghị hoặc thuê tổ chức, đơn vị được phép tìm kiếm quy định tại khoản 5 Điều này thực hiện việc tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ.  4. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ ngoài phạm vi, địa điểm đã được cho phép thì phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản trả lời, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.  5. Tổ chức, đơn vị được phép thực hiện tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ bao gồm: đơn vị chuyên ngành kỹ thuật về vũ khí, công binh thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; tổ chức khác được Thủ tướng Chính phủ cho phép. | **Điều 62. Tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ**  1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ phải nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp ***xã*** ~~huyện~~.  Hồ sơ bao gồm: văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do, mục đích, yêu cầu tìm kiếm, phạm vi, địa điểm tìm kiếm; bản sao tài liệu chứng minh việc sử dụng, quản lý hoặc thi công công trình hợp pháp tại địa điểm đề nghị tìm kiếm.  Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp ***xã*** ~~huyện~~ phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.  2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ sau khi được Ủy ban nhân dân cấp ***xã*** ~~huyện~~ cho phép tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ phải đề nghị hoặc thuê tổ chức, đơn vị được phép tìm kiếm quy định tại khoản 5 Điều này thực hiện việc tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ.  4. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ ngoài phạm vi, địa điểm đã được cho phép thì phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp ***xã*** ~~huyện~~. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp ***xã*** ~~huyện~~ phải có văn bản trả lời, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.  5. Tổ chức, đơn vị được phép thực hiện tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ bao gồm: đơn vị chuyên ngành kỹ thuật về vũ khí, công binh thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; tổ chức khác được ***Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng*** ~~Thủ tướng Chính phủ~~ cho phép. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy; phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền. |
| **Điều 63*.* Thẩm quyền tiếp nhận, thu gom, phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**  2. Cơ quan quân sự cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện và đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên có trách nhiệm phân loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đã tiếp nhận, thu gom.  4. Cơ quan quân sự cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện và đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên thực hiện việc tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. | **Điều 63*.* Thẩm quyền tiếp nhận, thu gom, phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**  2. ~~Cơ quan quân sự cấp huyện, c~~***C***ơ quan Công an cấp ***xã*** ~~huyện~~ và đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên có trách nhiệm phân loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đã tiếp nhận, thu gom.  4. ~~Cơ quan quân sự cấp huyện, c~~***C***ơ quan Công an cấp ***tỉnh*** ~~huyện~~ và đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên thực hiện việc tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 64. Trình tự, thủ tục tiếp nhận, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**  3. Trường hợp thu gom vũ khí hạng nặng, bom, mìn, lựu đạn, quả nổ, ngư lôi, thủy lôi, vật liệu nổ, đầu đạn tên lửa, đạn pháo và đầu đạn pháo các loại hoặc vũ khí khác cần phải có kỹ thuật chuyên ngành xử lý thì cơ quan Công an,cơ quan quân sựhoặc đơn vị Quân đội nơi tiếp nhận thông tin phải tổ chức bảo vệ và thông báo ngay cho cơ quan quân sự cấp huyện, đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên để tổ chức thu gom, xử lý theo thẩm quyền. | **Điều 64. Trình tự, thủ tục tiếp nhận, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**  3. Trường hợp thu gom vũ khí hạng nặng, bom, mìn, lựu đạn, quả nổ, ngư lôi, thủy lôi, vật liệu nổ, đầu đạn tên lửa, đạn pháo và đầu đạn pháo các loại hoặc vũ khí khác cần phải có kỹ thuật chuyên ngành xử lý thì cơ quan Công an,cơ quan quân sựhoặc đơn vị Quân đội nơi tiếp nhận thông tin phải tổ chức bảo vệ và thông báo ngay cho ~~cơ quan quân sự cấp huyện,~~ đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên để tổ chức thu gom, xử lý theo thẩm quyền. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 65. Tổ chức giao nhận vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**  1. Cơ quan Công an cấp xã, cơ quan quân sự cấp xã sau khi tiếp nhận, thu gom vũ khí, công cụ hỗ trợ phải lập thống kê, bàn giao cho cơ quan Công an cấp huyện, cơ quan quân sự cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.  2. Việc lập thống kê bàn giao cho cơ quan quân sự để xử lý theo quy định đối với vũ khí hạng nặng, bom, mìn, lựu đạn, quả nổ, ngư lôi, thủy lôi, vật liệu nổ, đầu đạn tên lửa, đạn pháo và đầu đạn pháo các loại đã tiếp nhận, thu gom thực hiện như sau:  a) Cơ quan Công an cấp xã, cấp huyện và cơ quan quân sự cấp xã lập thống kê bàn giao cho cơ quan quân sự cấp huyện; | **Điều 65. Tổ chức giao nhận vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**  1. Cơ quan Công an cấp xã, cơ quan quân sự cấp xã sau khi tiếp nhận, thu gom vũ khí, công cụ hỗ trợ phải lập thống kê, bàn giao cho cơ quan Công an cấp ***tỉnh*** ~~huyện~~, ***đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên*** ~~cơ quan quân sự cấp huyện~~, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.  2. Việc lập thống kê bàn giao cho cơ quan quân sự để xử lý theo quy định đối với vũ khí hạng nặng, bom, mìn, lựu đạn, quả nổ, ngư lôi, thủy lôi, vật liệu nổ, đầu đạn tên lửa, đạn pháo và đầu đạn pháo các loại đã tiếp nhận, thu gom thực hiện như sau:  a) Cơ quan Công an cấp xã~~, cấp huyện~~ và cơ quan quân sự cấp xã lập thống kê bàn giao cho ***đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên*** ~~cơ quan quân sự cấp huyện~~; | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 67. Trình tự, thủ tục phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**  2. Trình tự, thủ tục phân loại, thanh lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thực hiện như sau:  a) Sau khi tiếp nhận, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, cơ quan quân sự cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện, đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên tiến hành phân loại và báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp quyết định đưa vào sử dụng hoặc tiêu hủy;  3. Trình tự, thủ tục tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thực hiện như sau:  a) Sau khi có quyết định tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, cơ quan quân sự cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện, đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên phải thành lập Hội đồng tiêu hủy và xây dựng phương án tiêu hủy. Thành phần Hội đồng bao gồm: đại diện cơ quan tiêu hủy là Chủ tịch Hội đồng; đại diện cơ quan kỹ thuật chuyên ngành và cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về môi trường cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm tiêu hủy là thành viên Hội đồng. Phương án tiêu hủy phải bảo đảm an toàn, hạn chế ảnh hưởng đến môi trường;  4. Trường hợp vũ khí, vật liệu nổ có nguy cơ mất an toàn, cần xử lý khẩn cấp thì người đứng đầu cơ quan quân sự cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện, đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên quyết định tiêu hủy ngay; sau khi tiêu hủy phải báo cáo ngay cơ quan cấp trên bằng văn bản. | **Điều 67. Trình tự, thủ tục phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**  2. Trình tự, thủ tục phân loại, thanh lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thực hiện như sau:  a) Sau khi tiếp nhận, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, ~~cơ quan quân sự cấp huyện~~, cơ quan Công an cấp ***xã*** ~~huyện~~, đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên tiến hành phân loại và báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp quyết định đưa vào sử dụng hoặc tiêu hủy;  3. Trình tự, thủ tục tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thực hiện như sau:  a) Sau khi có quyết định tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ ~~cơ quan quân sự cấp huyện~~, cơ quan Công an cấp ***tỉnh*** ~~huyện~~, đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên phải thành lập Hội đồng tiêu hủy và xây dựng phương án tiêu hủy. Thành phần Hội đồng bao gồm: đại diện cơ quan tiêu hủy là Chủ tịch Hội đồng; đại diện cơ quan kỹ thuật chuyên ngành và cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về môi trường cấp ***tỉnh*** ~~huyện~~, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm tiêu hủy là thành viên Hội đồng. Phương án tiêu hủy phải bảo đảm an toàn, hạn chế ảnh hưởng đến môi trường;  4. Trường hợp vũ khí, vật liệu nổ có nguy cơ mất an toàn, cần xử lý khẩn cấp thì người đứng đầu~~cơ quan quân sự cấp huyện~~, cơ quan Công an cấp ***xã*** ~~huyện~~, đơn vị Quân đội cấp trung đoàn trở lên quyết định tiêu hủy ngay; sau khi tiêu hủy phải báo cáo ngay cơ quan cấp trên bằng văn bản. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **10.** **LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ** | | |
| **Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**  4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại địa phương. Tại huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Luật này. | **Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**  4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại địa phương. ~~Tại huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Luật này.~~ | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 9. Trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**  3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Công an tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vào nội dung đào tạo lái xe.  4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ vào chương trình giảng dạy và bảo đảm điều kiện thực hiện trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học phù hợp với từng cấp học, ngành học. | **Điều 9. Trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**  3. Bộ ***Xây dựng*** ~~Giao thông vận tải~~ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vào nội dung đào tạo lái xe.  4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, ~~Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,~~ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ vào chương trình giảng dạy và bảo đảm điều kiện thực hiện trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học phù hợp với từng cấp học, ngành học. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 26. Huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy**  5. Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy được quy định như sau:  c) Giám đốc Công an cấp tỉnh và Trưởng Công an cấp huyện được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình; Bộ trưởng Bộ Công an được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi cả nước. | **Điều 26. Huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy**  5. Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy được quy định như sau:  c) Giám đốc Công an cấp tỉnh và Trưởng Công an cấp ***xã*** ~~huyện~~ được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình; Bộ trưởng Bộ Công an được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi cả nước. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 35. Huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia cứu nạn, cứu hộ**  5. Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia cứu nạn, cứu hộ được quy định như sau:  c) Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh và Trưởng Công an cấp huyện được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình. | **Điều 35. Huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia cứu nạn, cứu hộ**  5. Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia cứu nạn, cứu hộ được quy định như sau:  c) Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh và Trưởng Công an cấp ***xã*** ~~huyện~~ được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình. | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |
| **Điều 37. Thành lập, quản lý lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và lực lượng dân phòng**  3. Lực lượng dân phòng được thành lập ở một hoặc một số thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc tại huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã theo quy định sau đây: | **Điều 37. Thành lập, quản lý lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và lực lượng dân phòng**  3. Lực lượng dân phòng được thành lập ở một hoặc một số thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ~~hoặc tại huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã~~ theo quy định sau đây: | Để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy. |